

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM
SHINHAN SECURITIES
VIETNAM CO., LTD.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số: 06/2025/CBTT-SSV
No. 06/2025/CBTT-SSV

TP.HCM, ngày 04.. tháng 02 năm 2025
HCM City, February 04., 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT
NAM

Digitally signed by CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG
KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST0
305374994, cn=CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM, l=THÀNH
PHỐ THỦ ĐỨC, st=HỒ CHÍ MINH,
c=VN
Date: 2025.02.04 16:14:24 +07'00'

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh
To: State Securities Committee/ Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/
Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Name of organization: SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD

 - Mã chứng khoán: không có
Stock code: No
 - Địa chỉ: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Address: Floor 18, Tower B, Commercial and Service Area combined with High-rise Residential at Lot 1-13, Functional Area No. 1, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Điện thoại/Tel: 028 6299 8000 Fax: 028 62994232
 - E-mail: report.vn@shinhan.com
- Nội dung công bố thông tin
Contents of disclosure

 - Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm và Bản cáo bạch đối với chứng quyền: Chứng quyền.VPB.8M.SSV.C.EU.Cash.01
Covered Warrant Issuance Notice and Prospectus of the Covered Warrant: Chứng quyền.VPB.8M.SSV.C.EU.Cash.01
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04./02/2025 tại đường dẫn <https://shinhansec.com.vn/vi/tin-tuc-shinhan/cong-bo-thong-tin.html>.
This information was published on the company's website on 04./02/2025, as in the link <https://shinhansec.com.vn/vi/tin-tuc-shinhan/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm
Covered Warrant Issuance Notice
- Bản cáo bạch.
Prospectus.



HAN BOK HEE
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of MC



Số: 01/CW/SSV/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 32/GCN- UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/01/2025)

- Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1 - Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 028 6299 8000
- Số Fax: 028 6299 4232
- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không
- Thông tin về chứng quyền phát hành:
 - Tên chứng quyền: **Chứng quyền.VPB.8M.SSV.C.EU.Cash.01**
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VPB
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
 - Loại chứng quyền (mua/bán): Mua
 - Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): Châu Âu
 - Phương thức thực hiện chứng quyền (tiền/chuyển giao chứng khoán cơ sở): Tiền
 - Thời hạn: 08 tháng
 - Ngày đáo hạn: 06/10/2025
 - Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1
 - Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): Không áp dụng
 - Giá thực hiện: 20.200 VND
 - Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: tối thiểu 50% giá trị chứng quyền dự kiến chào bán
- Số lượng đăng ký phát hành: 6.000.000 chứng quyền
- Giá phát hành: 1.200 VND/chứng quyền
- Số lượng chứng quyền đã phát hành (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): 0
- Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền



11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 9h00 ngày 05/02/2025 đến 17h00 ngày 07/02/2025

12. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu và công bố Bản cáo bạch:

- Nhà đầu tư có thể mua chứng quyền tại Hội sở, Chi nhánh, Phòng giao dịch của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Shinhan Việt Nam và/hoặc kênh online bao gồm nhưng không giới hạn website, ứng dụng của Công ty.
- Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận: Nhà đầu tư tham khảo tại website www.shinhansec.com.vn

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành
- Địa chỉ: Số 74, Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024 3941 1846 Fax: 024 3941 1847
- Website: www.bidv.com.vn

Tên người thụ hưởng:	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Shinhan Việt Nam
Số tài khoản:	8680037505

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Shinhan Việt Nam cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của Thông báo này và thực hiện tất cả nghĩa vụ với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



HAN BOKHEE

Chủ tịch Hội đồng thành viên
kiêm Tổng Giám đốc



Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của Tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm trong Bản cáo bạch này.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và/hoặc có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của (Tổ chức) phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa việc đầu tư sẽ sinh lời cho Nhà đầu tư.



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

(Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 123/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 04/02/2016; và thay đổi lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPDC-UBCK ngày 13/08/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM

(Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền số 32/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 24/01/2025 đến ngày 02/02/2025 tại:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6299 8000 Fax: (028) 6299 4232

Website: <https://shinhansec.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: HAN BOKHEE

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Số điện thoại: (028) 6299 8000

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp lần đầu ngày 04/02/2016; Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 13/08/2024)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền	Chứng quyền.VPB.8M.SSV.C.EU.Cash.01
Mã chứng khoán cơ sở	VPB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Loại chứng quyền	Mua
Kiểu thực hiện	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	Tiền (VND)
Thời hạn	8 tháng
Ngày phát hành dự kiến	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 8 (tám) tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi	2 : 1 (2 chứng quyền đổi lấy 1 cổ phiếu)
Khung giá thực hiện dự kiến	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán.
Khung giá chào bán dự kiến	Từ 1.000 VND/chứng quyền đến 2.000 VND/chứng quyền
Tổng số lượng dự kiến chào bán	6.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán	Từ 6.000.000.000 VND đến 12.000.000.000 VND
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	50% giá trị chứng quyền dự kiến chào bán

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN (kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, 2024): **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3821 9266 Fax: (028) 39105402

NGÂN HÀNG LƯU KÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Địa chỉ: Số 74, Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3941 1846 Fax: (024) 3941 1847 Website: www.bidv.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	RỦI RO VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN	5
2.	RỦI RO LIÊN QUAN SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN	6
3.	RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	7
4.	CÁC RỦI RO KHÁC	7
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.	TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	8
2.	TỔ CHỨC BẢO LÀNH PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	11
1.	TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VIỆT NAM	11
2.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	13
V.	THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM.....	13
1.	CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	13
2.	CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	29
3.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	32
VI.	CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	33
1.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỨNG QUYỀN.....	33
2.	THÔNG TIN CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ	35
3.	THỜI GIAN PHÂN PHỐI CHỨNG QUYỀN	39
4.	ĐĂNG KÝ CHỨNG QUYỀN	40
5.	THỰC HIỆN CHỨNG QUYỀN.....	41
6.	QUYỀN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN	43
7.	ĐIỀU CHỈNH CHỨNG QUYỀN	44
8.	CÁC KHOẢN THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ, PHÍ DỊCH VỤ PHÁT SINH TỪ VIỆC GIAO DỊCH HOẶC THỰC HIỆN CHỨNG QUYỀN	45
9.	HOẠT ĐỘNG TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....	47

VII.	QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM	48
1.	QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO	48
2.	PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA RỦI RO DỰ KIẾN	53
3.	KINH NGHIỆM PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	59
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM	59
IX.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	59
X.	CAM KẾT.....	60
XI.	PHỤ LỤC	61

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan đến Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có bảo đảm như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan đến chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro về Tổ chức phát hành chứng quyền

- **Rủi ro từ giao dịch của Tổ chức phát hành:** Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có bảo đảm trên thị trường và các chứng quyền có bảo đảm này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

- **Rủi ro thanh toán:** Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi Tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro Tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

- **Rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết liên quan đến vấn đề thanh khoản hoặc giải thể:** Trong trường hợp Tổ chức phát hành giải thể, phá sản, hoặc Tổ chức phát hành không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, chứng quyền có bảo đảm sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có bảo đảm bị hủy trước ngày đáo hạn.

- **Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của Tổ chức phát hành:** Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan đến chứng quyền có bảo đảm mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan đến giao dịch hoặc thực hiện quyền của chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cân trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với Tổ chức phát hành không thể bảo đảm được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.

- **Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi:** Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm. Tổ chức phát hành không có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các hoạt động giao dịch, tư vấn, thực hiện quyền, mâu thuẫn quyền lợi. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có bảo đảm khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền có bảo đảm.

2. Rủi ro liên quan sản phẩm chứng quyền

- **Rủi ro đầu tư chung:** Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có bảo đảm và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có bảo đảm có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

- **Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm:** Do chứng quyền có bảo đảm có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có bảo đảm có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có bảo đảm sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có bảo đảm. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm.

- **Rủi ro về giá:** Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm. Sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có bảo đảm, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có bảo đảm còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có bảo đảm. Mặc dù Tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có bảo đảm theo khối lượng đã đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, tuy nhiên, Tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có bảo đảm thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có bảo đảm miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có bảo đảm.

- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có bảo đảm khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có bảo đảm ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có bảo đảm đó. Thanh khoản của chứng quyền có bảo đảm phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù Tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị

trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có bảo đảm, Tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có bảo đảm sẽ sôi động.

- Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu: Chứng quyền có bảo đảm kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của chứng quyền có bảo đảm có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn việc phát hành quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, phát hành cổ phiếu thưởng hoặc chia cổ tức bởi Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng đến Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan đến chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động đến giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1 Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với một số rủi ro và thách thức chính, bao gồm:

Suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu: Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 ở mức 2,9%, thấp hơn mức trung bình 3,8% của giai đoạn 2000-2019. Đặc biệt, tăng trưởng của các đối tác thương mại chính như Trung Quốc và khu vực đồng Euro được dự báo giảm, ảnh hưởng đến xuất khẩu và đầu tư của Việt Nam.

Căng thẳng địa chính trị và giá năng lượng: Xung đột tại Trung Đông có thể làm gia tăng rủi ro địa chính trị và đẩy giá năng lượng lên cao, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và lạm phát trong nước.

Thị trường bất động sản và huy động vốn: Thị trường bất động sản đóng băng kéo dài và khó khăn trong huy động vốn cho doanh nghiệp có thể làm chậm đà tăng trưởng kinh tế.

Rủi ro tài chính công và ngân hàng: Nợ công tăng cao hạn chế dư địa tài khóa, trong khi lĩnh vực ngân hàng dễ tổn thương với tỷ lệ tín dụng/GDP cao và dự phòng vốn thấp, có thể ảnh hưởng đến ổn định kinh tế.

Biến đổi khí hậu và thiên tai: Biến đổi khí hậu, đặc biệt là lũ lụt và các hiện tượng thời tiết cực đoan, có thể gây thiệt hại cho nông nghiệp và cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Rủi ro kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, chính sách lãi suất hoặc các chính sách hỗ trợ, kích thích kinh tế.

4.2 Rủi ro pháp lý

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, đồng thời là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài, SSV chịu sự điều chỉnh bởi các luật liên quan như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các Luật trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - chứng khoán là một lĩnh vực nhạy cảm, do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này liên tục được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới để phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi của văn bản pháp luật sẽ dẫn đến rủi ro về pháp luật đối với Tổ chức phát hành chứng quyền.

4.3 Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền

Nhà đầu tư cần lưu ý về quy định thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền có bảo đảm. Trong trường hợp chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến thời điểm đáo hạn và thực hiện quyền, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành cho chứng quyền này. Để giảm thiểu rủi ro này, nhà đầu tư cần cân nhắc thực hiện bán lại chứng quyền cho nhà đầu tư khác hoặc Tổ chức phát hành trước thời điểm đáo hạn để không phải thực hiện quyền.

4.4 Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Tổ chức phát hành chứng quyền hoặc Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của chứng quyền và/hoặc quyền lợi của người sở hữu chứng quyền. Các rủi ro này có thể bao gồm: thiên tai, dịch họa, lụt lội, cháy nổ, khủng bố, các rủi ro liên quan đến các thiết bị làm việc như máy tính, hệ thống giao dịch và các thiết bị văn phòng.

Để hạn chế các rủi ro này, Tổ chức phát hành chứng quyền đã mua bảo hiểm phòng chống cháy nổ đối với các tài sản như nhà cửa, văn phòng, phương tiện vận tải, thiết bị làm việc và đã xây dựng hệ thống sao lưu (back-up) cho các dữ liệu và hệ thống giao dịch văn phòng của Tổ chức phát hành chứng quyền.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Ông HAN BOKHEE	Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng Giám Đốc và Người đại diện theo pháp luật
Ông YANG SEUNGWON	Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Huệ Hương	Chức vụ: Kế Toán Trưởng
Bà Đào Thị Hồng Vân	Chức vụ: Giám đốc Kiểm soát nội bộ

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết. Trong phạm vi trách nhiệm và thông

tin được biết, chúng tôi bảo đảm không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi Bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để bảo đảm đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

2. **Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn:**

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ, thuật ngữ trong Bản cáo bạch này được hiểu như sau:

1. **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là “chứng quyền”) là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với tổ chức phát hành chứng quyền theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
2. **Chứng khoán cơ sở** (sau đây gọi tắt là “CKCS”) là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
3. **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là Tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
4. **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là “Tổ chức phát hành” hoặc “TCPH”) là Công Ty TNHH Chứng Khoán Shinhan Việt Nam thực hiện phát hành chứng quyền có bảo đảm theo Bản cáo bạch này.
5. **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do Tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
6. **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ chức phát hành và không phải là Tổ chức phát hành chứng quyền.
7. **Chứng quyền mua** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.
8. **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
9. **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) hoặc bán (đối với chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở (cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ ETF) cho Tổ chức phát hành, hoặc được Tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

10. **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
11. **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
12. **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
13. **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của Tổ chức phát hành.
14. **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
15. **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.
16. **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
17. **Vị thế mở** chứng quyền của Tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
18. **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được Tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.
19. **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của Tổ chức phát hành.
20. **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:
$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Ví dụ, đối với chứng quyền mua có tỷ lệ chuyển đổi là 2 : 1 và có hệ số Delta = 50% có nghĩa là nếu giá của chứng khoán cơ sở tăng 200 đồng thì giá của chứng quyền này được kỳ vọng sẽ tăng 50 đồng.

21. **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong 05 (năm) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.
22. **Các từ viết tắt:**

BCTC: Báo cáo tài chính

HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

HSX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

UBCK: Ủy ban chứng khoán

VSDC: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

SSV hoặc Công ty : Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

HĐTV: Hội đồng thành viên

TGĐ: Tổng giám đốc

SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán

TCPH: Tổ chức phát hành

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế thế giới đang đối mặt với những bất ổn do lạm phát, nhu cầu suy giảm, chiến tranh leo thang và căng thẳng địa chính trị, kinh tế Việt Nam đứng vững và đạt được nhiều kết quả khả quan. Các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế và ổn định vĩ mô đều đạt được mục tiêu. Nhìn chung, những thành tựu của kinh tế Việt Nam đều dựa trên nền tảng vững chắc mang tính dài hạn.

Mặc dù những bất ổn trên thế giới có thể còn kéo dài, Kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ vượt qua được khó khăn và duy trì quỹ đạo tăng trưởng. Các yếu tố nền tảng cho sự phát triển của kinh tế ở thời điểm hiện tại và sắp tới bao gồm:

- **Tiếp tục mở cửa và hội nhập:** Mặc dù các mối quan hệ kinh tế - thương mại trên thế giới trong giai đoạn tới vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất định, nhưng với xu hướng mở cửa và hội nhập vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng với Việt Nam. Trong đó, các Hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP không chỉ hỗ trợ đẩy mạnh quá trình tự do hóa hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu mà còn góp phần cải thiện khuôn khổ pháp lý về chính sách thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử... qua đó tạo điều kiện cho Việt Nam hoàn thiện thể chế để cạnh tranh công bằng.
- **Tận dụng nhu cầu trong nước:** Lợi thế của Việt Nam là cơ cấu dân số vàng, tầng lớp trung lưu gia tăng mạnh với thói quen chi tiêu rộng rãi sẽ là động lực cho quá trình hồi phục kinh tế diễn ra nhanh chóng. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để khôi phục hoạt động sản xuất, kích cầu đầu tư, tiêu dùng nội địa nhằm nhanh chóng hồi phục kinh tế.
- **Phát triển kinh tế tư nhân và chọn lọc FDI:** Với những điều kiện phù hợp về vị trí địa lý và chi phí nhân công, Việt Nam là điểm đến hứa hẹn cho chiến lược “Trung Quốc + 1” của các nước phát triển. Đây là cơ hội để gia tăng chuỗi giá trị hoạt động sản xuất theo hướng nâng cao công nghệ, kinh tế số. Nếu như thu hút vốn FDI trong giai đoạn vừa qua mang nhiều tính “Lượng”, thì trong giai đoạn 2021 – 2025 sẽ tập trung vào “Chất” với ưu tiên các ngành công nghiệp, công nghệ với tính lan tỏa lớn nhằm thúc đẩy khối doanh nghiệp tư nhân trong nước, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao giá trị sản xuất tại Việt Nam.
- **Đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống quản trị:** Vốn đầu tư công trong giai đoạn tới sẽ được giải ngân mạnh mẽ nhằm nâng cấp hệ thống giao thông, logistics... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số và cải

cách hệ thống quản trị quốc gia cũng vô cùng quan trọng để Việt Nam thoát khỏi “Bẫy thu nhập trung bình”.

DỰ BÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU VĨ MÔ

Chỉ tiêu kinh tế	2016 - 2019	2021 - 2025
Tăng trưởng GDP trung bình	6,78%	6,0% - 6,5%
Tốc độ tăng CPI	3,65%	4% - 5%
Tổng Vốn Đầu tư toàn xã hội/GDP	33,4%	33% - 35%
Nợ công so với GDP	59,6%	< 60%
Tăng trưởng tín dụng bình quân	15,74%	10% - 15%

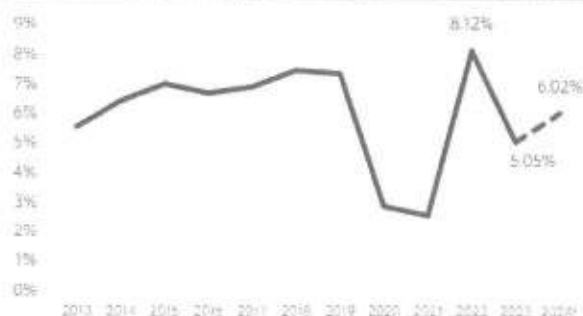
Nguồn: SSV tổng hợp và dự báo

Các chính sách tiền tệ và tài khóa trong giai đoạn tới sẽ được dự báo tiếp tục có sự kết hợp hài hòa vì mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, phục hồi sản xuất kinh doanh. Cụ thể, chính sách tiền tệ tiếp tục định hướng duy trì ổn định vĩ mô, đảm bảo thanh khoản cho ngân hàng và doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ lạm phát và tỷ giá, tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế. Về chính sách tài khóa, hoạt động đầu tư công và các gói hỗ trợ tài khóa được tiếp tục cùng quá trình hồi phục kinh tế, thâm hụt ngân sách và nợ công đều sẽ tăng nhưng dự báo không vượt trần (65% GDP).

Triển vọng thị trường cổ phiếu Việt Nam

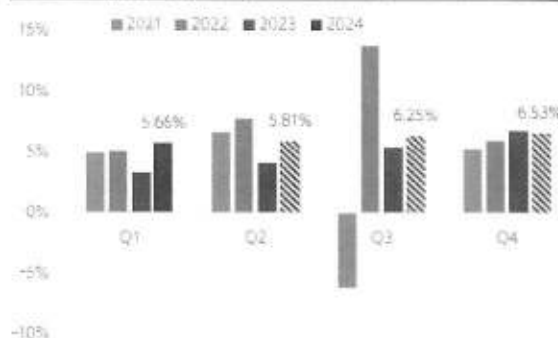
Cùng với sự tăng trưởng kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu Việt Nam ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư. Tính đến cuối Quý 1/2024, vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6,66 triệu tỷ đồng, tăng 12,2% so với cuối năm 2023, tương đương 65,2% GDP của năm 2023. Đây là mức tăng đáng kể từ khi thành lập thị trường chứng khoán. Thanh khoản của thị trường thời gian qua cũng có sự tăng trưởng vượt trội. Tổng giá trị khớp lệnh bình quân hàng ngày vượt mức tỷ USD trong tháng 5/2024 và gấp nhiều lần so với giai đoạn từ năm 2020 trở về trước.

GDP theo năm, tăng trưởng YoY



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

GDP theo quý, tăng trưởng YoY



Nguồn: GSO, Shinhan Securities Vietnam

Có 03 nhân tố chính tạo nền tảng cho triển vọng tăng trưởng của thị trường cổ phiếu:

Thứ nhất, triển vọng lợi nhuận của doanh nghiệp vẫn tích cực bất chấp ảnh hưởng ngắn hạn và dài hạn từ kinh tế thế giới. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, nhóm các doanh nghiệp lớn trên thị trường vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động và kết quả kinh doanh. Đáng chú ý nhất là nhóm ngân hàng – tài chính đã có sự thay đổi toàn diện so với giai đoạn trước và đủ khả năng chống chịu được với nhiều loại rủi ro. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất, hàng tiêu dùng,

bán lẻ... đã phục hồi và thậm chí gia tăng quy mô hoạt động so với thời điểm trước đại dịch Covid-19. Sau quá trình bình thường hóa trở lại, các ngành kinh doanh chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh như du lịch, khách sạn, hàng không... đã từng bước phục hồi vững chắc.

Thứ hai, sự quan tâm của những nhà đầu tư mới đối với thị trường cổ phiếu dẫn tới việc các nguồn vốn đầu tư mới được khai phá. Đây là xu hướng phổ biến trên thị trường tài chính toàn thế giới, bắt nguồn từ đại dịch Covid-19, nhưng vẫn được duy trì đến thời điểm hiện tại. Hệ thống nhà đầu tư mới có nhận thức tốt, sự năng động, nhanh nhạy trong việc tìm kiếm các cơ hội. Mặc dù bị cạnh tranh bởi những kênh đầu tư khác như tiền số, ngoại tệ nhưng Thị trường cổ phiếu có những lợi thế nhất định do đây là kênh đầu tư hợp pháp, minh bạch và an toàn. Lịch sử đã chứng minh trong dài hạn, tỷ suất lợi nhuận đầu tư chứng khoán luôn vượt trội và bền vững do nó phản ánh sự lớn mạnh của các doanh nghiệp hàng đầu và nền kinh tế.

Thứ ba, các chính sách ổn định vĩ mô và hỗ trợ đầu tư được ban hành đã và sẽ góp phần vào sự phát triển của Thị trường cổ phiếu. Sự ổn định vĩ mô được đảm bảo sẽ tạo điều kiện cho Thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng trưởng, hệ thống giao dịch được nâng cấp, năng lực các công ty chứng khoán được nâng cao. Trong tương lai, kế hoạch cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước dự kiến sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn khiến thị trường có thêm những doanh nghiệp chất lượng, đa dạng sự lựa chọn, có thể thu hút trở lại nhóm nhà đầu tư nước ngoài. Xét về định giá, Việt Nam vẫn là thị trường hấp dẫn so với các nước trong khu vực.

2. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm có cấu trúc do công ty chứng khoán phát hành và được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM (HOSE). Đây là một sản phẩm mới được đưa ra nhằm đa dạng hóa sản phẩm cho thị trường cũng như giúp nhà đầu tư tận dụng các cơ hội khi thị trường có biến động mạnh để gia tăng hiệu suất đầu tư cho danh mục của mình.

Chứng quyền đồng thời là sản phẩm có tính đòn bẩy cao, giá chứng quyền phụ thuộc nhiều vào giá chứng khoán cơ sở và một số tham số đầu vào khác. Ưu thế nổi bật của sản phẩm này là nhà đầu tư có thể bỏ ra số tiền ban đầu khá nhỏ so với phần lợi nhuận có thể nhận được, trong khi khoản lỗ tối đa được cố định ở số tiền bỏ ra ban đầu để mua chứng quyền.

Ngoài ra, việc các Tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền này sau khi niêm yết cũng góp phần bảo đảm thanh khoản và giảm chi phí giao dịch cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, do sản phẩm chứng quyền có những yếu tố rủi ro đặc thù nên nhà đầu tư cần tìm hiểu kỹ về sản phẩm để cân nhắc các lợi ích và rủi ro của sản phẩm này trước khi ra quyết định đầu tư.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

Tên đầy đủ:	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
Tên giao dịch:	SHINHAN SECURITIES VIETNAM
Tên viết tắt:	SSV

Logo:



Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán:

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 123/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 04/02/2016, Giấy phép điều chỉnh số 62/GPDC-UBCK ngày 13/08/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305374994 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21/06/2023.

Vốn điều lệ:

1.912.600.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 18, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội:

Lầu 2, Tòa nhà LeadVisors Place, Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số điện thoại:

(028) 6299 9000

Số fax:

(028) 6299 4232

Website:

<https://shinhansec.com.vn>

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Han Bokhee – Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Mã cổ phiếu:

Không

Ngành nghề kinh doanh:

Môi giới chứng khoán;
Tự doanh chứng khoán;
Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

a. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

04/02/2016	Mua lại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nam An và chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với mức vốn điều lệ ghi nhận là 146 tỷ Việt Nam đồng.
16/02/2016	Chính thức trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Việt Nam.
17/05/2016	Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
12/10/2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK.

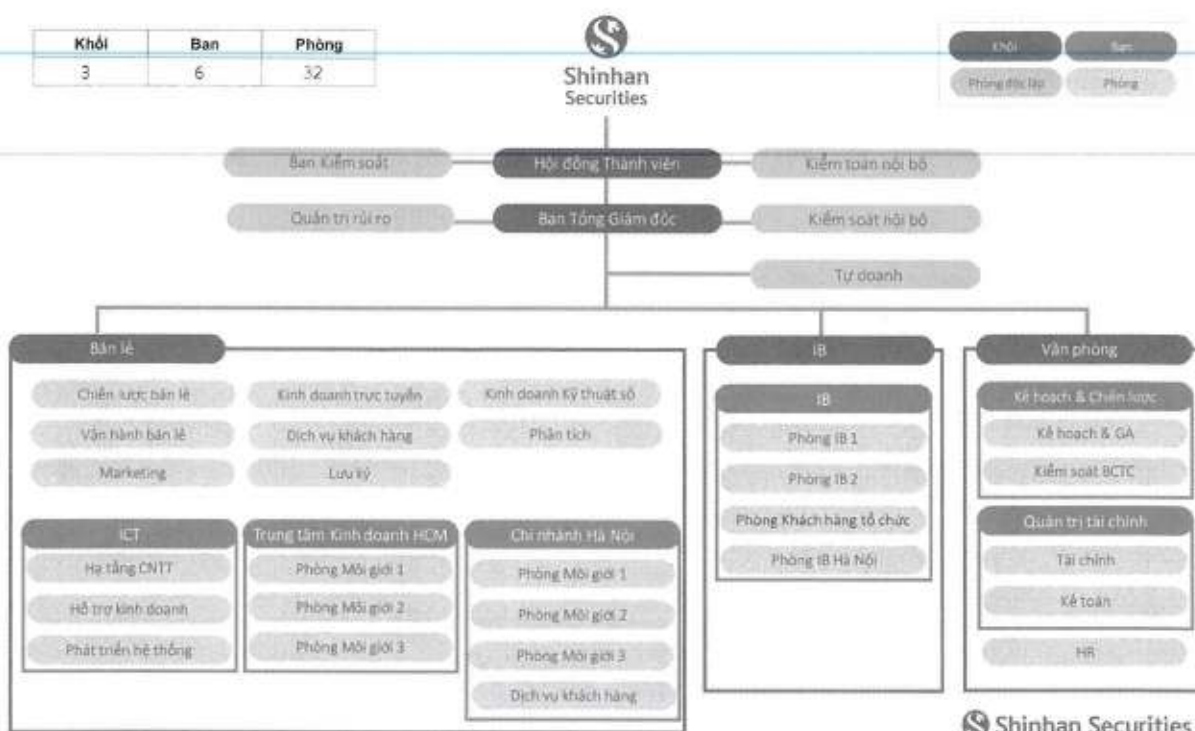
27/12/2017	Công ty tăng vốn điều lệ lên 812.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK.
30/03/2018	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ nhất.
20/11/2018	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ hai.
24/04/2020	Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK..
02/06/2020	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ ba.
11/08/2020	Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPĐC-UBCK.
01/04/2021	Thay đổi địa chỉ Trụ sở chính theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.
27/12/2021	Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.912.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 124/GPĐC-UBCK.
27/12/2021	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ tư.
10/01/2022	Nhận Quyết định 18/QĐ-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán.
29/04/2022	Là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 49/QĐ-SGDVN.
22/06/2022	Nhận được Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
30/06/2022	Thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 419/QĐ-UBCK.
21/09/2022	Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 (Mã số doanh nghiệp: 0305374994).
16/03/2023	Nhận Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK về việc điều chỉnh thông tin Chủ sở hữu: Shinhan Securities Co., Ltd.
30/03/2023	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 44/GCN-UBCK cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
21/06/2023	Nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 (Mã số doanh nghiệp: 0305374994).
12/10/2023	Nhận Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ số 92/QĐ-SGDVN từ Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam.
13/12/2023	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ năm.
31/08/2024	Thay đổi Điều lệ Công ty lần thứ sáu.

b. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công Ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam được tổ chức hoạt động theo mô hình công ty Trách nhiệm Hữu hạn 100% vốn đầu tư nước ngoài. Cấu trúc Công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận bảo đảm liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

Mô hình quản trị Công ty tổ chức theo mô hình: Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám Đốc

Hiện nay bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty như sau:



c. Cơ cấu Bộ máy quản lý Công ty

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên gồm tất cả 03 (ba) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm.

Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao bởi Chủ sở hữu, được quy định trong Điều lệ và quy định của Pháp luật hiện hành

Trực thuộc Hội đồng thành viên của Công ty gồm có:

- Phòng Kiểm toán nội bộ: chịu trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng thành viên trong mọi hoạt động của Công ty, độc lập với Ban Tổng Giám đốc và nghiệp vụ của Công ty. Vai trò của Phòng kiểm toán nội bộ:

- + Thực hiện kiểm tra từng phòng/ban để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật;
- + Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các quy định của Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT và Ban TGD.
- Tiểu ban Quản trị rủi ro: chịu trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng thành viên đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản trị rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty, khuyến nghị các mô hình quản trị rủi ro phù hợp với hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.
- Ban kiểm soát: Gồm một trưởng ban và các thành viên (nếu có). Thành viên Ban kiểm soát được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng thành viên. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
 - + Đánh giá kế hoạch và báo cáo hoạt động hàng năm của Phòng Kiểm soát Báo cáo Tài chính
 - + Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám Đốc.
 - + Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty
 - + Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.
 - + Kiến nghị Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám Đốc biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Thành viên bổ nhiệm hoặc thuê.

Tổng Giám Đốc: Tổng Giám Đốc do Công ty mẹ bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Công ty mẹ thông qua; kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; bổ nhiệm, tuyển dụng các chức danh nhân sự khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền HĐQT và Công ty mẹ bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.

Khối Bán lẻ:

- Khối Bán lẻ vai trò cung cấp dịch vụ và sản phẩm chứng khoán cho các nhà đầu tư như: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, quản lý tài khoản, Phân tích và nghiên cứu, dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, kế hoạch kinh doanh bán lẻ. Khối Bán lẻ bao gồm những phòng ban sau:
 - **Phòng Chiến lược Bán lẻ**

- Phát triển và trình bày các chiến lược dài hạn và ngắn hạn của Công ty;
- Tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các dự án; bao gồm việc thiết lập mục tiêu dự án, quản lý lịch trình, phân bổ nguồn lực, phối hợp các phòng ban và đánh giá kết quả;
- Xác định và phát triển các cơ hội kinh doanh cho sự tăng trưởng và phát triển của Công ty; bao gồm các chiến lược thâm nhập thị trường mới, phát triển sản phẩm và dịch vụ, hợp tác đối tác;
- Phát triển Chính sách và Quy trình: Phòng Chiến lược bán lẻ phát triển và quản lý các chính sách và Quy trình của Công ty nhằm tăng hiệu quả hoạt động và đảm bảo tuân thủ pháp luật;

- Chịu trách nhiệm liên lạc chính với Công ty mẹ về hoạt động kinh doanh bán lẻ.

▪ **Phòng Marketing**

- Thực hiện các hoạt động quảng cáo/Quan hệ công chúng để nâng cao thương hiệu của Công ty; Đảm bảo cơ sở lợi nhuận thông qua các chiến lược tiếp thị và hợp tác;
- Xây dựng và triển khai chiến lược hợp tác với các đối tác, hợp tác với các đối tác không giới hạn ở các công ty con của Tập đoàn Tài chính Shinhan mà với nhiều đối tác khác để phát triển thương hiệu, thực hiện kế hoạch Marketing và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh;
- Chăm sóc và bảo vệ hình ảnh doanh nghiệp và tuân thủ theo các quy định thương hiệu của tập đoàn;
- Cập nhật tình hình thị trường để biết rõ các yêu cầu của khách hàng và đề xuất các chiến lược marketing để đạt được kế hoạch của Công ty đề ra.

▪ **Phòng Kinh doanh trực tuyến**

- Tăng cường khả năng cạnh tranh của kênh kinh doanh không gặp mặt thông qua hệ thống quản lý khách hàng trực tuyến;
- Nâng cao sự hài lòng và sự trung thành của khách hàng bằng cách giải quyết các khiếu nại của khách hàng;
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh chi nhánh bằng cách tập trung/số hóa;
- Ghi nhận phản hồi của khách hàng từ đó làm việc với các phòng ban liên quan (Hỗ trợ kinh doanh, Vận hành bán lẻ, P.DVKH, Marketing) để giải đáp và hỗ trợ các vấn đề mà khách hàng gặp phải.

▪ **Phòng Kinh doanh Kỹ thuật số**

- Quản lý khách hàng và dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, củng cố hệ thống và xây dựng quy trình; Ưu tiên và đáp ứng nhu cầu của khách hàng và hỗ trợ tất cả các giao dịch và yêu cầu liên quan theo các hướng dẫn;

- Cung cấp báo cáo nghiên cứu từ Phòng Phân tích, tư vấn trực tuyến, xu hướng thị trường và phân tích dịch vụ của đối thủ cạnh tranh; Xây dựng và quản lý hệ thống các quy trình làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả;
- Phục vụ cho khách hàng không sử dụng môi giới quản lý tài khoản; Cung cấp một trung tâm ấn tượng và đáng tin cậy cho khách hàng trong mọi trường hợp trong quá trình tiếp nhận và giao tiếp với khách hàng; Cải thiện tỷ lệ giữ chân khách hàng bằng cách đơn giản hóa các thủ tục và quy trình cho khách hàng;
- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty bằng cách nhận biết các lĩnh vực chức năng và cải tiến kỹ thuật; Tiếp nhận ý kiến đóng góp về sản phẩm, dịch vụ, hệ thống từ khách hàng và đề xuất để xây dựng, cải tiến các sản phẩm, quy trình liên quan đến kinh doanh bán lẻ.

▪ **Phòng Vận hành bán lẻ**

- Quản lý hoạt động giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán bao gồm: Quản lý phân bổ nguồn cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Tham gia việc xem xét người vay/các trường hợp vay ngoại lệ và tiến hành đề xuất phê duyệt;
- Đề xuất bổ sung/loại bỏ mã chứng khoán vào danh sách chứng khoán có thể ký quỹ của Công ty dựa trên yêu cầu của khách hàng hoặc nhân viên môi giới; Dự kiến tăng hạn mức cho vay dựa trên yêu cầu từ khách hàng hoặc nhân viên môi giới; Quản lý tỷ lệ ký quỹ hiện tại của khách hàng bằng cách phối hợp với Phòng Lưu ký;
- Hỗ trợ các phòng liên quan trong hoạt động bán lẻ: Đề xuất thay đổi các chính sách về phí dịch vụ, lãi suất, giá hạn, đăng ký chương trình của khách hàng và môi giới, theo dõi các đề xuất thay đổi người quản lý tài khoản bao gồm các trường hợp đặc biệt như nhưng không giới hạn ở khách hàng VIP và hoãn bán giải chấp;
- Theo dõi và giám sát các hoạt động bán lẻ: Đến hạn, vi phạm tỷ lệ ký quỹ, cảnh báo/xử lý giải chấp, bổ sung tài sản để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ, đánh giá khách hàng tham gia các chương trình;
- Khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin về chính sách giao dịch ký quỹ, các chương trình, các sản phẩm trên thị trường cổ phiếu/trái phiếu; để tiến hành dịch vụ môi giới cho khách hàng và đề xuất các chương trình, sản phẩm, chính sách cho hoạt động bán lẻ;
- Thực hiện các chiến lược kinh doanh bán lẻ để đạt các chỉ tiêu kinh doanh bằng cách phối hợp với các phòng có liên quan; Phối hợp với Phòng Chiến lược bán lẻ xây dựng và tính lương/hoa hồng cho nhân viên môi giới, trưởng phòng bán lẻ và giám đốc bán lẻ với các phòng có liên quan;
- Thực hiện phát triển dịch vụ kinh doanh mới; Chuẩn hóa quy trình kinh doanh bán lẻ; dự thảo/ sửa đổi/ bãi bỏ sổ tay kinh doanh và các hình thức kinh doanh bán lẻ;
- Phối hợp các phòng liên quan để đưa ra các đề xuất cải tiến, nâng cấp và xây dựng mới các tính năng hệ thống nhằm tăng hiệu quả quản lý và vận hành hoạt động bán lẻ;

▪ **Phòng Dịch vụ khách hàng**

- Thực hiện đăng ký tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng theo quy định của VSDC;
- Quản lý giao dịch của khách hàng tại SSV;
- Hỗ trợ khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán và hướng dẫn các dịch vụ tài chính;
- Vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán qua các kênh giao dịch tại quầy, điện thoại, các kênh giao dịch trực tuyến;
- Duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản lý khách hàng toàn hệ thống;
- Quản lý hệ thống giao dịch từ xa.

▪ **Phòng Phân tích:**

- Phân tích ngành và doanh nghiệp để hỗ trợ cho Khối Kinh doanh bán lẻ và Khối Ngân hàng đầu tư bằng cách chuẩn bị thông tin hữu ích và dữ liệu đầu tư;
- Cung cấp thông tin đầu tư và chiến lược đầu tư cho khách hàng bằng cách dự báo và phân tích các xu hướng kinh tế/thị trường tài chính thực tế/tình hình tài chính.

▪ **Phòng Lưu ký:**

- Thực hiện các nghiệp vụ lưu ký chứng khoán mà Công ty là bên cung cấp dịch vụ cho khách hàng;
- Thực hiện đăng ký Mã số giao dịch chứng khoán cho khách hàng theo quy chế của VSDC;
- Quản lý số dư chứng khoán được lưu ký tại Công ty;
- Thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán lưu ký tại Công ty;
- Phối hợp thực hiện việc thanh toán bù trừ và quản lý thực hiện đóng ngày trên hệ thống;
- Quản lý hệ thống VSDC;
- Thực hiện nghĩa vụ báo cáo của thành viên lưu ký theo quy chế của VSDC.

▪ **Ban Công nghệ Thông tin (ICT)**

▪ **Phòng Hạ tầng Công nghệ Thông tin**

- Phát triển và vận hành kịp thời hệ thống máy tính cạnh tranh cho hoạt động kinh doanh chung của Công ty và cho nhu cầu của từng khối, phòng;
- Phát triển và vận hành kênh cho khách hàng như hệ thống giao dịch và hệ thống thông tin;
- Phát triển hệ thống bảo mật thông tin để bảo vệ thông tin của khách hàng và của SSV.

▪ **Phòng Hỗ trợ Kinh doanh**

- Tiếp nhận yêu cầu phát triển hệ thống giao dịch từ các phòng ban nghiệp vụ;
- Hợp tác và trao đổi với Phòng Phát triển hệ thống, đối tác cung cấp dịch vụ, ngân hàng để tìm ra giải pháp tối ưu nhằm cải thiện hệ thống giao dịch của Công ty;
- Phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ để phân tích nghiệp vụ về hệ thống hiện tại;
- Sau khi các phòng ban nghiệp vụ thống nhất vấn đề/yêu cầu, Phòng Hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cho Phòng Phát triển hệ thống để xây dựng trên hệ thống;
- Đảm nhiệm kiểm thử nghiệp vụ và chuyển giao cho Người yêu cầu sau khi kiểm thử thành công trên môi trường kiểm thử.

▪ **Phòng Phát triển Hệ thống**

- Thực hiện phát triển, nâng cao và cải tiến các tính năng mới và yêu cầu kinh doanh từ Phòng Hỗ trợ kinh doanh và các phòng ban với ứng dụng Shinhan Alpha cũng như nhu cầu của Công ty đối với các hệ thống liên quan;
- Cộng tác với các nhóm nội bộ và nhà cung cấp (ALTISSS, SHDS, FPT) để cung cấp các tính năng đã phát triển của họ từ UAT sang môi trường sản xuất cũng như xác minh việc triển khai để đáp ứng nhu cầu của Công ty và chiến lược kinh doanh;
- Phối hợp với các nhóm kinh doanh khác nhau để vận hành, giám sát hệ thống Alpha Trading và ứng dụng SHX cũng như bất kỳ hệ thống liên quan nào của Công ty trong thời gian trực tuyến và ngoại tuyến để đảm bảo hệ thống hoạt động trơn tru và ổn định;
- Hỗ trợ Công ty và các bộ phận khác đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp để cung cấp dịch vụ cho hệ thống và dịch vụ liên quan để phục vụ chiến lược kinh doanh của Công ty.

▪ **Ban Môi giới Chứng khoán**

- Cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng;
- Tích cực tìm kiếm khách hàng và hướng dẫn khách hàng đến Công ty bằng cách giới thiệu và cung cấp dịch vụ/tư vấn đầu tư/các sản phẩm bán lẻ/dịch vụ chăm sóc khác nhau dành cho khách hàng;
- Nhận lệnh từ khách hàng và thực hiện các yêu cầu của khách hàng với tính chuyên nghiệp và trách nhiệm;
- Là gương mặt đại diện cho hoạt động bán lẻ của Công ty thông qua giao tiếp với khách hàng;
- Thiết lập và cải tiến sự hiện diện trên thị trường của hoạt động bán lẻ của Công ty.

Khối Ngân hàng Đầu tư (IB):

Làm đầu mối trong việc phát triển quan hệ đối tác, quan hệ Khách hàng - Doanh nghiệp, các tổ chức, định chế tài chính trung gian khác, các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức nhằm khai thác dịch vụ và chào bán sản phẩm, bao gồm:

- Bán hàng đầu vào: Xúc tiến, thúc đẩy và có lựa chọn khách hàng, giao dịch, đề đi đến đàm phán, ký kết thành công các hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ phù hợp với mục tiêu kinh doanh của SSV trong từng thời kỳ;
- Bán hàng đầu ra: Thúc đẩy việc chào bán các sản phẩm, dịch vụ mà SSV đã tư vấn cho khách hàng trên thị trường như: Phát hành cổ phiếu, trái phiếu, các loại chứng khoán có kèm quyền, chứng quyền... nhằm mục tiêu chào bán thành công cho các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trên thị trường và/hoặc thông qua hệ thống kênh phân phối của các công ty con của Tập đoàn Tài chính Shinhan tại Việt Nam (Shinhan Bank, Shinhan Finance, Shinhan Life), SSV đã được thiết lập.
- Nghiên cứu, phát triển và triển khai các sản phẩm dịch vụ thị trường vốn cổ phần, dịch vụ thị trường vốn nợ, dịch vụ tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, dịch vụ tư vấn doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn ở: Tư vấn huy động vốn, Tư vấn niêm yết, Tư vấn các giải pháp tổ chức, sắp xếp, tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp, Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp nhằm đem lại cho khách hàng doanh nghiệp những giải pháp tài chính chuyên biệt và tối ưu;
- Làm đầu mối quản trị, thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các công tác phát triển quan hệ đối tác trong và ngoài nước cho Khối IB nói riêng và Công ty nói chung. Thực hiện đề xuất, và phối hợp với các phòng ban trong Công ty để tổ chức hoặc tham gia các chương trình trong nước và quốc tế nhằm nâng cao thương hiệu và uy tín thương hiệu cho các sản phẩm dịch vụ IB của SSV cũng như uy tín thương hiệu của Công ty.

Khối Văn Phòng:

▪ Ban Quản trị Tài chính

- Thực hiện và quản lý tất cả các công việc tài chính và kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán;
- Hỗ trợ Ban TGD trong việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kế toán theo quy định của pháp luật và Công ty;
- Quản lý nguồn vốn và dòng tiền, tối đa hóa lợi nhuận trên vốn.

▪ Phòng Kế toán

- Lập báo cáo tài chính và tuân thủ chế độ báo cáo tài chính theo quy định của Công ty, Công ty mẹ và tuân theo các quy định hiện hành;
- Hàng tháng, quý và năm thực hiện kê khai nghĩa vụ thuế cho SSV. Lập tờ khai hoàn thuế và quyết toán thuế theo quy định của cơ quan thuế;
- Ghi nhận/kết nối bút toán giao dịch vào phần mềm kế toán; Kiểm tra việc đối chiếu với sổ dư và các giao dịch giữa phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán;
- Lập chứng từ kế toán và hạch toán tất cả các giao dịch phát sinh vào hệ thống kế toán để đảm bảo đầy đủ, chính xác và tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán của

Việt Nam, bao gồm chi tiêu nội bộ, giao dịch của nhà đầu tư, vốn và đầu tư, kế toán tổng hợp và kế toán ngoại bảng;

- Thực hiện hạch toán chi phí hoạt động kinh doanh, tài sản cố định, chi phí quản lý và các chi phí khác theo quy định của pháp luật kế toán và quy định của Công ty;
- Lập sổ kế toán, thẻ, bảng biểu để phản ánh dữ liệu kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ của chứng từ thanh toán, đơn đốc tất cả các phòng hoàn thành chứng từ kế toán đầy đủ và kịp thời. Yêu cầu tất cả các phòng hoàn tất thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- Phát hiện và báo cáo cho Ban TGD về các vi phạm của quản lý kế toán Công ty;
- Bảo quản, lưu trữ, quản lý và bảo mật dữ liệu kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của luận và quy định của Công ty;
- Tham gia vào việc kiểm kê, kiểm tra thường xuyên/ bất thường các tài sản và khoản phải thu - nợ phải trả của Công ty;
- Cung cấp và giải thích dữ liệu kế toán cho cơ quan chức năng khi Công ty có cuộc kiểm toán, quyết toán thuế hoặc thanh tra thuế;
- Đề nghị, đề xuất, lập dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định về kế toán và quy trình làm việc liên quan đến kế toán tại Công ty để tuân thủ chuẩn mực kế toán của Việt Nam và các quy định của Công ty;

▪ Phòng Tài chính

- Tiếp nhận, theo dõi và thực hiện yêu cầu chuyển tiền của khách hàng thực hiện qua hệ thống giao dịch trực tuyến và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng theo yêu cầu của khách hàng;
- Thanh toán bù trừ với VSDC, thanh toán cho các giao dịch của nhà đầu tư (các giao dịch mua/bán theo yêu cầu), thu nợ gốc và tiền lãi ứng trước tiền mặt, hoạt động giao dịch ký quỹ và các giao dịch liên quan đến tiền khác của nhà đầu tư;
- Ghi nhận số dư tiền gửi, các giao dịch tiền của khách hàng trên Tài khoản tổng vào phần mềm giao dịch; Thực hiện đối chiếu với số dư và các giao dịch giữa phần mềm giao dịch và tài khoản ngân hàng;
- Hàng tháng, quý và năm thực hiện nộp thuế và kê khai nghĩa vụ thuế; Thực hiện thanh toán và hạch toán chi phí hoạt động kinh doanh, tài sản cố định, chi phí quản lý và các chi phí khác theo quy định của Công ty;
- Xây dựng và quản lý các kế hoạch tài chính ngắn/ trung/ dài hạn (doanh thu, chi phí, lợi nhuận) của Công ty; Giám sát hiệu suất hoạt động và xây dựng các kịch bản cho tương lai;
- Xem xét thực hiện và đề xuất với Ban TGD các kế hoạch, chính sách huy động vốn, lập kế hoạch nguồn vốn, quản lý nguồn vốn và sử dụng vốn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và các quy định của pháp luật;

- Lập dự báo dòng tiền cho năm lập kế hoạch và xem xét đánh giá lại hàng tháng. Đề xuất và thực hiện các biện pháp quản lý thanh khoản nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ vốn;
- Thực hiện kế hoạch chi tiết về thu chi tài chính; quản lý chặt chẽ theo các nguyên tắc và quy định về thu nhập từ hoạt động kinh doanh cũng như các nguồn thu nhập khác;
- Phát hiện và báo cáo cho Ban TGD về các vi phạm trong quản lý tài chính của Công ty;
- Thiết kế một hệ thống dữ liệu tài chính hợp lý để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời
- Báo cáo định kỳ các hoạt động liên quan đến tài chính, tình trạng sử dụng vốn, tình hình thu chi của Công ty đến Ban TGD;
- Đề nghị, đề xuất, lập dự thảo, sửa đổi và bổ sung các quy định về tài chính và quy trình làm việc liên quan đến quản lý tài chính của Công ty;

▪ **Phòng Nhân sự**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyển dụng nhân sự;
- Xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện quan hệ lao động;
- Xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện tiền lương và lợi ích;
- Xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện đào tạo/phát triển nguồn nhân lực;

▪ **Ban Kế hoạch – Chiến lược**

▪ **Phòng Kế hoạch & Hành chính**

- Tối đa hóa giá trị Công ty thông qua việc xây dựng một kế hoạch và chiến lược kinh doanh tổng thể; giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh để giúp Công ty đạt được kế hoạch đề ra;
- Xem xét, điều chỉnh tính khả thi của chính sách nội bộ để đạt được tầm nhìn trung và dài hạn của Công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác hành chính như quản lý cơ sở vật chất, quản lý các hoạt động hành chính, lưu trữ, tiếp tân, văn thư, an ninh, hậu cần.

▪ **Phòng Kiểm soát Báo cáo tài chính**

- Đảm bảo các khoản mục trên báo cáo tài chính được trình bày trung thực và hợp lý.
- Kiểm tra, rà soát nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các sai sót, đảm bảo việc ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh được đầy đủ, chính xác và tuân thủ quy định.

▪ **Phòng Quản trị Rủi ro**

- Dự thảo quy trình QTRR, chính sách QTRR và đề xuất quy trình, chính sách này để Ban TGD phê duyệt ban hành;
- Lựa chọn các tiêu chí phù hợp với chính sách QTRR của Công ty trong từng thời kỳ để Ban TGD phê duyệt áp dụng;

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chính sách, phương thức QTRR của Công ty để tất cả các phòng ban liên quan thực hiện đúng yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình xử lý rủi ro;
- Chịu trách nhiệm trước Ban TGD về kết quả thực hiện việc quản trị, xử lý rủi ro của toàn Công ty;
- Tham gia vào hoạt động của Tiểu ban QTRR và thực hiện nhiệm vụ được giao phù hợp với quy chế hoạt động của Tiểu ban QTRR.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ**
 - Hỗ trợ Tổng Tư vấn, đề xuất ý kiến pháp lý với Ban TGD trong hoạt động quản lý điều hành, kinh doanh nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty an toàn trong khuôn khổ pháp lý;
 - Thiết lập một hệ thống tuân thủ hiệu quả để bảo vệ tài sản của khách hàng và tài sản của Công ty; xây dựng văn hóa tuân thủ nhằm nâng cao uy tín của Công ty;
 - Thực hiện vai trò và trách nhiệm của Phòng Kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật.
- **Phòng Kiểm toán nội bộ**
 - Thực hiện vai trò và trách nhiệm của Phòng Kiểm toán nội bộ được quy định bởi pháp luật có liên quan;
 - Thực hiện kiểm tra từng phòng/ban để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật;
 - Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các quy định của Điều lệ, các quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT và Ban TGD.
- **Phòng Tự doanh**
 - Xây dựng chiến lược và kế hoạch đầu tư cổ phiếu hằng năm.
 - Thực hiện việc đầu tư và giao dịch (mua/bán) cổ phiếu thuộc quyền hạn và hạn mức đầu tư được Tổng Giám Đốc phê duyệt
 - Lập các báo cáo tình hình thực hiện các hoạt động đầu tư và quản lý danh mục cổ phiếu định kỳ và thường xuyên.
 - Thực hiện các nghiệp vụ phát hành chứng quyền, nghiệp vụ phòng vệ, thực hiện tổ chức tạo lập thị trường cho chứng quyền phát hành, thực các nghiệp vụ tài chính khác cho toàn bộ các sản phẩm phái sinh, sản phẩm tài chính cấu trúc (quyền chọn, hợp đồng tương lai, các sản phẩm cấu trúc khác).
 - Tổ chức theo dõi, cập nhật thông tin và phân tích đánh giá các chứng khoán, các khoản đầu tư, các trạng thái của các sản phẩm phái sinh từ đó đưa ra khuyến nghị/đề xuất giao dịch (mua/bán) ngoài quyền hạn của phòng kịp thời và hiệu quả.
- d. **Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của Công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)**
Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ

ĐVT: đồng

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)
1	Shinhan Securities Co., Ltd.	Shinhan Investment Tower, 70, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 07325, Korea.	1.912.600.000.000	100%
Tổng cộng			1.912.600.000.000	100%

- e. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành**

Công ty mẹ: **Shinhan Securities Co., Ltd.**

- Năm thành lập: 1995.
- Quốc tịch: Hàn Quốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 116-81-36684 do Phòng thuế quận Yeongdeungpo, Hàn Quốc cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Shinhan Investment Tower, 70, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu, Seoul, 07325, Korea.
- Vốn điều lệ: 1.786.998.000.000 KRW.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sang Tae – Tổng Giám đốc.

- f. Thông tin về Ban điều hành của Tổ chức phát hành**

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Han BokHee	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Yang SeungWon	Thành viên HĐQT
3	Ông Lee Chang Hwan	Thành viên HĐQT

❖ **Hội Đồng Thành Viên**

Ông Han BokHee - Chủ tịch HĐQT

- Sinh năm: 1974.
- Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Hàn Quốc.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán - Tài chính của Trường kinh tế và khoa học Chính trị Luân Đôn
- Quá trình công tác:

- Từ 06/2020 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
 - Từ 07/2017 đến 06/2020: Giám đốc Phòng kinh doanh tài chính toàn cầu – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
 - Từ 01/2010 đến 07/2017: Trưởng phòng Chiến lược và Kế hoạch – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
 - Từ 07/2008 đến 12/2009: Trưởng Trung tâm IB HongKong – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
 - Từ 04/2003 đến 06/2008: Trợ lý trưởng phòng kinh doanh tài chính toàn cầu – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
 - Từ 04/2002 đến 03/2003: Nhân viên tư vấn đầu tư tài chính – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
 - 11/1999 đến 03/2000: Nhân viên tư vấn đầu tư tài chính – Công ty đầu tư tài chính Shinhan
- Chức vụ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng Giám đốc.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Số cổ phần nắm giữ: Không.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

Ông Yang SeungWon – Thành Viên Hội Đồng Thành Viên

- Sinh năm: 1977.
- Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân toán học – Đại học HanYang Hàn Quốc
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/2022 đến nay: Thành Viên Hội Đồng Thành Viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
 - Từ 12/2003 đến 01/2022: Trưởng phòng Kinh doanh bán lẻ toàn cầu - Tập đoàn Đầu tư Shinhan
- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành Viên Hội Đồng Thành Viên kiêm Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

Ông LEE CHANG HWAN – Thành Viên Hội Đồng Thành Viên

- Sinh năm: 1980
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 09/2024 đến nay: Thành viên Hội Đồng Thành Viên – Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên Hội Đồng Thành Viên.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

❖ **Ban Kiểm Soát**

Ông Kang SeungHo - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Sinh năm: 1981
- Giới tính: Nam.
- Quốc tịch: Hàn Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Quá trình công tác:
 - Từ 2024 đến nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm Soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.

❖ **Ban Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng**

Ông Han BokHee - Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem thông tin Ông **Han BokHee** - Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên nêu tại phần giới thiệu Hội Đồng Thành Viên phía trên.

Ông Yang SeungWon – Phó Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem thông tin Ông **Yang SeungWon** – Thành viên Hội Đồng Thành Viên nêu tại phần giới thiệu Hội Đồng Thành Viên phía trên.

Bà Nguyễn Thị Huệ Hương - Kế Toán Trưởng

- Sinh: 1987
 - Giới tính: Nữ.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Chuyên ngành Kế toán tài chính.
 - Quá trình công tác:
 - Từ 2020 đến nay: Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam
 - Từ 2019 đến 2020: Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam
 - Từ 2017 đến 2019: Công ty TNHH Baolau Việt Nam
 - Từ 2015 đến 2016: Shimizu Corporation Việt Nam
 - Từ 2010 đến 2015: Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam
 - Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kế Toán Trưởng.
 - Chức vụ quản lý hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không.
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của Tổ chức phát hành

2.1 Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty

Công ty đang thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nêu trên, Công ty cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và giấy phép của Công ty được cấp bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2024 tăng 39,11% so với kết quả 9 tháng năm 2023 với các nguyên nhân chính yếu như sau:

- Doanh thu 9 tháng năm 2024 tăng 26,45% so với doanh thu 9 tháng năm 2023 trong đó:
 - Doanh thu môi giới chứng khoán 9 tháng năm 2024 tăng 40,04% so với 9 tháng năm 2023 do SSV mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ so với cùng kỳ năm trước trong khi thị phần môi giới Công ty có sự cải thiện;
 - Doanh thu cho vay ký quỹ 9 tháng năm 2024 tăng 41,45% so với cùng kỳ năm trước do nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư tích cực hơn;
 - Kết quả hoạt động đầu tư tự doanh tăng 41 lần do trong 9 tháng năm 2024 do doanh thu đến từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Chi phí hoạt động của 9 tháng năm 2024 tăng 22,58% so với 9 tháng năm 2023 chủ yếu do:
 - Chi phí lãi vay tăng 8,14% phù hợp với lãi suất cho vay giảm theo xu hướng của thị trường.
 - Chi phí môi giới tăng 59,86% tương ứng với sự gia tăng phí môi giới và doanh thu cho vay ký quỹ.

Nhìn chung chi phí tăng thấp hơn mức tăng doanh thu dẫn đến tăng trưởng lợi nhuận trước thuế là 38,65%.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Mở rộng dịch vụ kinh doanh bán lẻ và tăng cường dịch vụ giao dịch ký quỹ phù hợp với sự thay đổi của thị trường.
- Ưu tiên đổi mới để đạt được khả năng cạnh tranh kỹ thuật số và tăng trưởng các dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tăng doanh thu từ hoạt động trực tiếp (HNW, IB, hoạt động kinh doanh mới). Tăng cường cơ sở trực tuyến (nhà đầu tư đại chúng, giao dịch liên tục).

- Thông qua cơ sở tăng trưởng đã được thiết lập, ưu tiên đẩy mạnh chiến lược “Môi giới chiết khấu sâu” ngay khi bắt đầu áp dụng giao dịch trong ngày - mốc đánh dấu cho sự tăng trưởng nhanh chóng của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Thị phần từng lĩnh vực hoạt động trong năm 2023:

- Hoạt động môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết tại HSX: 0.45%
- Hoạt động môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết: 0.34%
- Hoạt động Ngân hàng đầu tư: 0.75%
- Hoạt động cho vay ký quỹ: 1.47%

Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải:

Công ty không có tranh chấp hay kiện tụng gì đến thời điểm hiện tại.

2.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Các số liệu sử dụng trong Bản cáo bạch này được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán KPMG Việt Nam và Báo cáo tài chính Quý III/2024 của Công ty.

Một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của SSV

(Đơn vị: triệu đồng)

Sản phẩm dịch vụ	2022		2023		9 tháng đầu năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	17	0,01%	454	0,09%	15.632	3,39%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	101.722	32,08%	187.499	36,43%	117.545	25,52%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	151.621	47,82%	256.186	49,78%	260.889	56,64%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33.932	10,70%	47.832	9,29%	50.347	10,93%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	0,00%	5.975	1,16%	2.800	0,61%
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.358	2,01%	4.085	0,79%	-	0,00%

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.096	0,35%	1.945	0,38%	1.758	0,38%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.107	1,61%	10.495	2,04%	11.201	2,43%
Thu nhập hoạt động khác	66	0,02%	194	0,04%	404	0,09%
Tổng doanh thu hoạt động	317.072	100,00%	514.665	100,00%	460.585	100,00%
Doanh thu hoạt động tài chính	388		557		660,4	
Thu nhập khác	10		34		68,3	
Lợi nhuận sau thuế	80.475	25,38%	115.606	22,46%	119.188	25,99%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC Quý III/2024 của Công ty)

2.3 Các chứng quyền mà công ty đã phát hành (nêu chi tiết danh sách, tên chứng quyền, loại chứng quyền...)

Đến thời điểm thực hiện Bản cáo bạch, SSV chưa thực hiện phát hành bất kỳ chứng quyền nào.

3. Tình hình tài chính

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện theo đúng luật định.

3.3 Tổng dư nợ vay:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 30/09/2024
Tổng dư nợ cho vay	3.097.847	3.555.069
Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn (*)		
Dự phòng phải thu cho vay ký quỹ quá hạn		
(*) Đây là số dư còn lại của các theo hợp đồng giao dịch ký quỹ đã quá hạn sau khi đã xử lý hết tài sản bảo đảm và Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ.		

3.4 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	9 tháng đầu năm 2024
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng (triệu đồng)	2.030.812	1.356.620	2.227.834
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (triệu đồng)	346.748	186.539	373.350
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	586%	727%	597%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,83	1,38	1,43
- Hệ số thanh toán nhanh:	1,83	1,38	1,41
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,47	0,66	0,66
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,88	1,94	1,93
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,38%	22,46%	25,88%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	3,80%	5,22%	6,82%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	2,31%	2,16%	2,33%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	49,36%	39,56%	32,75%

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

Tên chứng quyền	Chứng quyền.VPB.8M.SSV.C.EU.Cash.01
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	VPB
Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Loại chứng quyền	Mua
Kiểu thực hiện	Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	Tiền (VND)
Thời hạn	8 tháng

Ngày phát hành dự kiến	Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 8 (tám) tháng kể từ ngày phát hành
Tỷ lệ chuyển đổi ¹	2 : 1 (2 chứng quyền đổi lấy 1 cổ phiếu)
Giá thực hiện	Chênh lệch giữa giá thực hiện quyền so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành không vượt quá +/-20%. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm thực hiện chào bán.
Giá chào bán ²	Dự kiến từ 1.000 VND/chứng quyền đến 2.000 VND/chứng quyền. Giá chào bán chính thức sẽ được tính toán theo “Phương pháp tính giá chào bán” quy định dưới đây và được quy định cụ thể tại Thông Báo Phát Hành Chứng Quyền có bảo đảm.
Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán	6.000.000 chứng quyền.
Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán	Từ 6.000.000.000 VND đến 12.000.000.000 VND.
Tài sản bảo đảm thanh toán	Tiền.
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	50% giá trị chứng quyền dự kiến chào bán.

Phương pháp tính giá chào bán: Giá chào bán chứng quyền được tính theo công thức Black-Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_c T}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua;

¹ Tỷ lệ chuyển đổi: là số lượng chứng quyền nhà đầu tư cần có để quy đổi ra một chứng khoán cơ sở. Ví dụ, tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền VPB là 2 : 1, có nghĩa là nhà đầu tư cần có 2 chứng quyền thì mới có quyền mua 1 cổ phiếu VPB tại mức giá thực hiện vào ngày thực hiện quyền.

² Giá chào bán: đây chỉ là khung giá dự kiến. Giá chào bán chứng quyền sẽ được chốt lại vào thời điểm Tổ chức phát hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền và sẽ được quy định cụ thể trong Bản thông báo phát hành chứng quyền.

$N(d_1), N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X : Giá thực hiện của chứng quyền;

S : Giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm tính giá chào bán;

T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm);

r_C : Lãi suất phi rủi ro;

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở;

k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền (số lượng chứng quyền cần thiết để quy đổi ra một đơn vị chứng khoán cơ sở).

Chi tiết các tham số áp dụng vào công thức:

Giá chứng khoán cơ sở (S) ³	Giá cổ phiếu VPB tại thời điểm định giá
Giá thực hiện (X) ⁴	19.200 VND
Lãi suất phi rủi ro (do TCPH tự xác định) (r_C) ⁵	4% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do TCPH xác định) (σ) ⁶	30% - 70%
Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	0,66 năm
Tỷ lệ chuyển đổi (k)	2 : 1 (2 chứng quyền đổi lấy 1 cổ phiếu)

2. Thông tin chứng khoán cơ sở

Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
Lĩnh vực hoạt động chính	1. Ngân hàng bán lẻ (Retail Banking): VPBank cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính cho khách hàng cá nhân, bao gồm tài khoản thanh toán, tiết

³ Đây chỉ là giá tham khảo. Giá này sẽ được xác định lại vào ngày chào bán chính thức sau khi TCPH nhận được giấy chứng nhận chào bán chứng quyền của UBCKNN, dựa trên cơ sở là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở vào ngày nhận được giấy chào bán chứng quyền.

⁴ Đây chỉ là giá tham khảo. Giá thực hiện sẽ được TCPH xác định vào ngày chào bán chính thức sau khi TCPH nhận được giấy chứng nhận chào bán chứng quyền của UBCKNN và được quy định cụ thể tại Thông báo phát hành chứng quyền có bảo đảm.

⁵ Lãi suất phi rủi ro: do TCPH xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để thực hiện phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành). Dựa trên cơ sở là trung bình cộng của lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và cộng với biên độ 2% tại thời điểm TCPH nộp hồ sơ phát hành chứng quyền.

⁶ Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở: được TCPH xác định dựa trên độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và áp thêm một biên dự phòng dành cho các khoản chi phí hoạt động, chi phí vốn cho việc phát hành chứng quyền (bao gồm tài sản bảo đảm thanh toán và nguồn vốn để mua chứng khoán cơ sở cho mục đích phòng ngừa rủi ro) và các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.

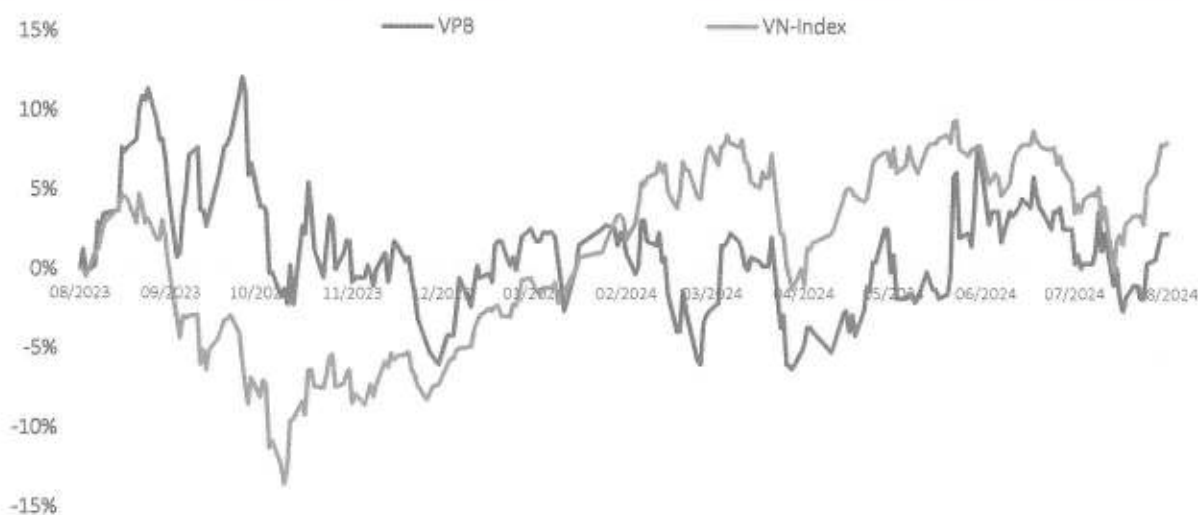
	<p>kiệm, cho vay tiêu dùng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, và các dịch vụ ngân hàng số.</p> <p>2. Ngân hàng doanh nghiệp (Corporate Banking): VPBank cung cấp các dịch vụ tài chính và ngân hàng cho doanh nghiệp, bao gồm các khoản vay, tài trợ thương mại, quản lý tiền mặt, thanh toán quốc tế, và các sản phẩm tài chính phái sinh.</p> <p>3. Ngân hàng đầu tư (Investment Banking): VPBank hoạt động trong lĩnh vực tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các tổ chức và doanh nghiệp.</p>
	<p>4. Dịch vụ tài chính tiêu dùng (Consumer Finance): VPBank thông qua công ty con FE Credit cung cấp các sản phẩm tài chính tiêu dùng như cho vay tín chấp, cho vay trả góp, và các sản phẩm tín dụng khác dành cho phân khúc khách hàng đại chúng.</p> <p>5. Ngân hàng số và các dịch vụ trực tuyến: VPBank đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng số như VPBank NEO, một ứng dụng ngân hàng số tích hợp nhiều dịch vụ tài chính, giúp khách hàng quản lý tài chính, thực hiện giao dịch trực tuyến một cách tiện lợi.</p> <p>6. Bảo hiểm và đầu tư: VPBank cung cấp các sản phẩm bảo hiểm, hợp tác với các công ty bảo hiểm để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Ngoài ra, ngân hàng còn cung cấp các sản phẩm đầu tư như chứng chỉ quỹ, trái phiếu, và các sản phẩm đầu tư khác.</p> <p>7. Thẻ và thanh toán: VPBank là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ với nhiều ưu đãi hấp dẫn, đồng thời cung cấp các dịch vụ thanh toán tiện lợi cho khách hàng.</p> <p>VPBank hoạt động đa dạng trên nhiều lĩnh vực trong ngành ngân hàng, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.</p>
Tên/mã chứng khoán cơ sở	VPB (HoSE)
Vốn hóa hiện tại	148.761 tỷ VND
Giá trị giao dịch bình quân 12 tháng gần nhất	306.244.610.430 VND/ngày
Khối lượng giao dịch bình quân 12 tháng gần nhất	15.702.984 cổ phiếu/ngày
Giá đóng cửa cao nhất 52 tuần	20.544 VND/cổ phiếu (giá điều chỉnh)

Giá đóng cửa thấp nhất 52 tuần	17.186 VND/cổ phiếu (giá điều chỉnh)
Ngày niêm yết HOSE	17/08/2017
Chỉ số P/E hiện tại	12,25 lần
Chỉ số P/B hiện tại	1,12 lần
Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở trong 12 tháng gần nhất ⁷	25,72%

(Nguồn: Fiin Pro, VPB, cập nhật ngày 23/08/2024)

Tổ chức phát hành cam kết không phải là người có liên quan của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở theo các quy định của pháp luật liên quan.

Biểu đồ giá đóng cửa cuối tháng của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất:



Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Kết quả kinh doanh	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Q3/2024 (LK 12T)
Thu nhập lãi thuần	32.346	34.349	41.021	38.175	46.929
Chi phí hoạt động	11.392	10.719	14.116	13.941	14.164
Tổng TNTT	13.019	14.364	21.220	10.804	16.569
Tổng LNST	10.414	11.477	16.909	8.494	13.058
LNST của CĐ Ngân hàng mẹ	10.414	11.721	18.168	9.974	13.191

⁷ Dao động bình quân: tính theo trung bình của độ biến động giá 365 ngày của cổ phiếu VPB trong 12 tháng gần nhất

Cân đối kế toán	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Quý 3/2024
Tổng tài sản	419.027	547.409	631.013	817.567	858.885
- Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD	19.555	57.105	47.965	94.094	119.231
- Cho vay khách hàng	286.319	345.390	424.662	551.472	619.866
Nợ phải trả	366.233	461.131	527.511	677.771	716.645
- Tiền gửi và vay các TCTD	56.511	114.619	140.249	156.357	167.416
- Tiền gửi của khách hàng	233.428	241.837	303.151	442.368	475.782
Vốn và các quỹ	52.794	86.278	103.502	139.796	142.240
- Vốn của TCTD	23.466	43.374	66.551	103.332	103.332
- Lợi nhuận chưa phân phối	17.415	22.439	16.752	19.066	22.285

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của VPB; Fiin Pro, SSV tính toán)

Các chỉ số tài chính của Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 02 năm gần nhất:

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	Q3/2024 (LK 12T)
1. An toàn vốn						
Tỷ lệ CAR	11,1%	12,0%	14,3%	14,9%	17,1%	17,07%
Tỷ lệ VCSH/ Tổng Tài sản	11,2%	12,6%	15,8%	16,4%	17,1%	16,6%
Tỷ lệ Vốn cấp 1 Trên Tổng tài sản	9,8%	10,2%	12,3%	13,3%	12,0%	11,8%
2. Chất lượng tài sản						
Dự phòng rủi ro tín dụng/ Tổng cho vay khách hàng	1,6%	1,5%	2,8%	3,2%	2,6%	2,4%
Dự phòng cho vay/ Nợ xấu	46,4%	45,3%	60,9%	54,4%	52,1%	50,7%
Dự phòng rủi ro/ Cho vay khách hàng	1,6%	1,5%	2,8%	3,1%	2,6%	2,4%
Trái phiếu VAMC/ Cho vay khách hàng	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%	0,8%	0,0%
Tỷ lệ CASA	12,9%	15,2%	21,9%	16,5%	17,0%	13,6%

3. Hiệu quả hoạt động						
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	84,4%	82,9%	77,5%	71,0%	76,7%	81,0%
Tỷ lệ CIR	34,0%	29,2%	24,2%	24,4%	28,0%	24,4%
4. Tài sản & Thanh khoản						
Tài sản tạo thu nhập/ Tổng tài sản	92,6%	93,6%	91,3%	91,4%	93,4%	96,0%
Tài sản thanh khoản/ Tổng tài sản	25,3%	25,1%	27,9%	23,9%	25,1%	23,8%
Tiền gửi khách hàng/ Tổng tài sản	56,7%	55,7%	44,2%	48,0%	54,1%	55,4%
Cho vay khách hàng/ Tổng tài sản	67,1%	68,3%	63,1%	67,3%	67,5%	72,2%
Nợ xấu (3 - 5)/Tổng dư nợ	3,5%	3,5%	4,7%	5,9%	5,2%	4,9%
5. Khả năng sinh lợi						
NIM	9,4%	8,7%	7,6%	7,5%	5,6%	5,8%
ROA trước dự phòng rủi ro	6,9%	6,9%	6,9%	7,4%	4,9%	5,2%
ROE trước dự phòng rủi ro %	62,4%	58,2%	48,3%	46,0%	29,4%	31,1%
6. Tăng trưởng						
Trung bình tăng trưởng tiền gửi (%YoY)	25,2%	9,1%	3,6%	25,4%	45,9%	12,9%
Tăng trưởng chi phí hoạt động (%YoY)	16,1%	-7,7%	-5,9%	31,7%	-1,2%	-1,4%
Tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (%YoY)	17,0%	7,4%	13,5%	30,5%	-13,9%	17,9%
Tăng trưởng tín dụng (%YoY)	17,6%	19,0%	18,9%	24,9%	25,5%	16,6%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của VPB; Fiin Pro, SSV tính toán)

Tại ngày 03/01/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (HoSE: VPB) nhận được quyết định Số 03/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Thời gian phân phối cụ thể theo Thông Báo Phát Hành Chứng Quyền của SSV, tối đa trong vòng 15 ngày kể từ ngày SSV được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	Nhận giấy phép phát hành UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền	T
2	Công bố thông tin về đợt phát hành SSV thực hiện công bố Bản cáo bạch và Thông Báo Phát Hành Chứng Quyền trên trang thông tin điện tử của SSV	T + 1 đến T + 3
3	Phân phối chứng quyền SSV nhận đăng ký mua chứng quyền và tiền mua chứng quyền của nhà đầu tư	T + 4 đến T + 14
4	Báo cáo kết quả phân phối SSV tổng hợp kết quả đăng ký mua chứng quyền của nhà đầu tư, gửi báo cáo kết quả phân phối chứng quyền cho UBCKNN và công bố thông tin về kết quả phân phối chứng quyền	T + 15 đến T + 16
5	Lưu ký chứng quyền VSDC cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lưu Ký Chứng Quyền	T + 17 đến T + 18
6	Đăng ký niêm yết chứng quyền Sở Giao Dịch Chứng Khoán ra quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền	T + 19 đến T + 20

4. Đăng ký chứng quyền

Sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền, Bản cáo bạch, Thông Báo Phát Hành Chứng Quyền và các văn bản, hồ sơ, hướng dẫn liên quan đến việc đăng ký mua chứng quyền sẽ được đăng trên website của SSV.

a. Thời hạn đăng ký mua

Công ty sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông Báo Phát Hành Chứng Quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền. Theo dự kiến, thời gian nhà đầu tư đăng ký mua là ngày làm việc thứ ba kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Chào Bán Chứng Quyền có hiệu lực.

b. Cách thức đăng ký

Nhà đầu tư trực tiếp đăng ký mua chứng quyền tại các quầy giao dịch của SSV (bao gồm trụ sở chính và các chi nhánh của SSV) hoặc đăng ký trực tuyến thông qua hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến SSV trên website: <https://online.shinhansec.com.vn>

Số lượng chứng quyền đặt mua tối thiểu: 1.000 chứng quyền.

Bước khối lượng đặt mua: 100 chứng quyền.

c. Phương thức thanh toán

Khi đăng ký mua chứng quyền, tiền mua chứng quyền được nộp/chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**
- Số tài khoản: **8680037505** mở tại Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Hà Thành

d. Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán sau khi chứng quyền được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

e. Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định như sau:

$$\text{Số chứng quyền từng Nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số chứng quyền từng Nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền tất cả các Nhà đầu tư đăng ký mua}} \times \text{Tổng số chứng quyền chào bán}$$

Số lượng chứng quyền tính theo công thức trên sẽ được làm tròn xuống đến 10 chứng quyền cho từng nhà đầu tư, theo nguyên tắc tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp số lượng chứng quyền còn dư sau khi làm tròn, số chứng quyền này sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo thứ tự ưu tiên nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất và sớm nhất cho đến khi hết số lượng chứng quyền chào bán.

5. Thực hiện chứng quyền

a. Thủ tục thanh toán bằng tiền cho chứng quyền đáo hạn

Việc thanh toán bằng tiền cho chứng quyền đáo hạn được thực hiện theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán như sau:

- Ngày T - 15: Tổ chức phát hành gửi giấy đề nghị hủy niêm yết chứng quyền và Thông báo về việc lập danh sách người sở hữu chứng quyền tại ngày đáo hạn cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK).
- Ngày T - 7: Tổ chức phát hành gửi thông báo về việc thực hiện chứng quyền cho Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán (VSDC) và công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu chứng quyền.

- Ngày T - 2: Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền. Sau ngày này, chứng quyền sẽ bị hủy niêm yết trên SGDCK.
- Ngày T: Ngày đăng ký cuối cùng (cũng là ngày đáo hạn của chứng quyền). TCPH gửi thông báo về giá thanh toán chứng quyền cho VSDC (trên cơ sở là giá thanh toán do Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM công bố). Số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được tính toán dựa trên giá thanh toán và giá thực hiện chứng quyền.

Giá thanh toán chứng quyền là trung bình giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Trường hợp chứng quyền không có lãi: Giá thanh toán \leq Giá thực hiện

- Ngày T+1: VSDC gửi thông báo cho SGDCK và các Thành viên lưu ký về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.

Trường hợp chứng quyền có lãi: Giá thanh toán $>$ Giá thực hiện

- Ngày T+1 đến T+2: VSDC gửi thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu chứng quyền để thực hiện chứng quyền cho SGDCK và các Thành viên lưu ký. VSDC, các Thành viên lưu ký và Tổ chức phát hành phối hợp để lập và xác nhận danh sách người sở hữu chứng quyền.
- Ngày T+3: TCPH xác nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền với VSDC và chuyển tiền thanh toán vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.
- Ngày T+4: VSDC thông báo cho Thành viên lưu ký xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền và thực hiện phân bổ tiền thanh toán vào tài khoản của Thành viên lưu ký có liên quan.
- Ngày T+5: Là ngày thanh toán cho người sở hữu chứng quyền. Thành viên lưu ký phân bổ trực tiếp số tiền thanh toán vào tài khoản của người sở hữu chứng quyền.

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán $>$ Giá thực hiện, được tính bằng chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện [Số tiền thanh toán = (Giá thanh toán - Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].

Ví dụ:

Giá thực hiện chứng quyền	23.000 VND	
Giá thanh toán chứng quyền	Trung bình giá đóng cửa trong 05 ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.	
Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền	17/01/2025	
Ngày đáo hạn chứng quyền	01/02/2025	
Ngày tính giá thanh toán chứng quyền và Giá đóng cửa của	Ngày	Giá đóng cửa chứng khoán cơ sở
	12/01/2025	38.500 VND
	13/01/2025	38.900 VND

chứng khoán cơ sở tại các ngày tính giá	16/01/2025	39.500 VND
	17/01/2025	39.200 VND
	18/01/2025	39.000 VND
	Trung bình giá 05 ngày	39.000 VND
Giá thanh toán chứng quyền	39.000 VND	
Tỷ lệ chuyển đổi	4 : 1 (4 chứng quyền quy đổi thành 1 cổ phiếu)	
Số tiền thanh toán	$(39.000 - 23.000) / 4 = 4.000 \text{ VND/chứng quyền}$	

Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán mà người sở hữu chứng quyền thực nhận tại thời điểm đáo hạn chứng quyền sau khi giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

b. Các biện pháp xử lý trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, người sở hữu chứng quyền được quyền ưu tiên thanh toán từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro (là chứng khoán cơ sở của chứng quyền và các chứng quyền trên cùng tài sản cơ sở do các tổ chức khác phát hành (nếu có) theo phương án phòng ngừa rủi ro nêu tại Mục VII của Bản cáo bạch này) và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh của Tổ chức phát hành.
- Tiền có trên tài khoản ký quỹ cho đợt phát hành chứng quyền tại ngân hàng lưu ký.
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán các nghĩa vụ liên quan đến chứng quyền, người sở hữu chứng quyền sẽ được coi là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi tương đương với chủ nợ có bảo đảm một phần theo quy định của pháp luật.

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện;
- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do Tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;

(i) Công thức tính mức giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền trong các trường hợp trên

Giá thanh toán của chứng quyền mua vào ngày hủy niêm yết có hiệu lực được xác định theo giá đóng cửa của chứng quyền đó tại ngày giao dịch cuối cùng trước khi chứng quyền bị hủy niêm yết.

(ii) Quy trình thông báo và thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết trước hạn

- Công bố thông tin

Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, TCPH sẽ công bố thông tin về việc hủy niêm yết chứng quyền, trong đó nêu cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực (bao gồm các căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán), ngày chứng quyền chính thức hủy niêm yết.

Vào ngày làm việc liền trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực: sau khi có giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở và chứng quyền, TCPH sẽ công bố thông tin về giá thanh toán chứng quyền cho chứng quyền sẽ hủy niêm yết trên website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi có giá đóng cửa.

- Mua lại chứng quyền

Trong thời gian kể từ ngày công bố thông tin trên đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Tổ chức phát hành thực hiện mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại chứng quyền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực là mức giá thị trường và phải tuân thủ theo các quy định về tạo lập thị trường của SGDCK.

- Thanh toán và hủy niêm yết chứng quyền

Vào ngày hủy niêm yết chứng quyền, đối với các chứng quyền còn đang lưu hành, TCPH sẽ thực hiện thanh toán theo mức giá thanh toán được xác định như trên. Quy trình thanh toán sẽ áp dụng tương tự như quy trình thanh toán chứng quyền khi chứng quyền đáo hạn.

Sau thời điểm này, tất cả các chứng quyền còn đang lưu hành sẽ được tự động hủy niêm yết.

7. Điều chỉnh chứng quyền

a. Tổ chức phát hành điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau:

Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới.

b. Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh giá thực hiện: Ngày giao dịch không hưởng quyền của chứng khoán cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ \times (Giá tham chiếu điều chỉnh của chứng khoán cơ sở / Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ \times (Giá tham chiếu điều chỉnh của chứng khoán cơ sở / Giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện điều chỉnh được làm tròn tới 4 chữ số thập phân và giá thực hiện điều chỉnh được làm tròn tới hàng đơn vị.
- Việc điều chỉnh khác sẽ được Tổ chức phát hành thực hiện căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Ví dụ:

Chứng quyền mua VIB có giá thực hiện 23.000 VND, tỷ lệ chuyển đổi là 4 : 1.

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền, cổ phiếu VIB thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% (1 cổ phiếu được nhận 5.000 VND).

Giá đóng cửa của cổ phiếu VIB vào ngày giao dịch liền trước ngày GDKHQ: 25.000 VND/cổ phiếu.

Giá tham chiếu của cổ phiếu VIB vào ngày GDKHQ: 24.500 VND/cổ phiếu.

Chứng quyền vào ngày GDHKQ có giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi mới là:

$$+ \text{Giá thực hiện: } 23.000 \times \frac{24.500}{25.000} = 22.540 \text{ VND}$$

$$+ \text{Tỷ lệ chuyển đổi: } 4 \times \frac{24.500}{25.000} = 3,92$$

8. Các khoản thuế, phí, lệ phí, phí dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

a. Thuế

- **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn.

Thuế thu nhập cá nhân: áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán \times Số lượng chứng quyền.

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu VPB với giá 1.400 VND/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 4:1, giá thực hiện là 50.000 VND. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 2.000 VND/chứng quyền, số thuế phải nộp là: $2.000 \times 100 \times 0,1\% = 200 \text{ VND}$.

- **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn.

Thuế thu nhập cá nhân: áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:

- Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc
- Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực). (Giá được tính theo công thức Black-Scholes tại thời điểm hủy niêm yết).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thuyết tại Ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 1.000 VND/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: $1.000 \times 100 \times 0,1\% = 100$ VND.

- **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi.

Thuế thu nhập cá nhân: áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở x Số lượng chứng quyền : Tỷ lệ chuyển đổi. Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao Dịch Chứng Khoán công bố.

Trường hợp này chỉ áp dụng thuế đối với các chứng quyền có lãi và nhà đầu tư thực hiện quyền.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thuyết tại Ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao Dịch Chứng Khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 55.000 VND/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $55.000 \times 100 : 4 \times 0,1\% = 1.375$ VND.

Lưu ý: Trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ Tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có chứng khoán cơ sở là cổ phiếu VPB với tỷ lệ chuyển đổi là 1 : 1, giá thực hiện là 100.000 VND.

Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 100 VND/chứng quyền trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư nhận được khoản tiền bán chứng quyền là: $100 \times 100 = 10.000$ VND. Số thuế phải nộp khi bán chứng quyền là: $100 \times 100 \times 0,1\% = 10$ VND.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao Dịch Chứng Khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VND/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ Tổ chức phát hành là: $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000$ VND. Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010$ VND.

Trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán nhận về.

- b. **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.

- c. **Phí thực hiện quyền:** Trường hợp nhà đầu tư thực hiện quyền, nhà đầu tư phải trả phí này cho VSDC theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.
- d. **Phí lưu ký, chuyển khoản chứng quyền:** Áp dụng theo quy định của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm bảo đảm thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, Tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

a. Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa năm (05) phút, Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
- Giá đặt lệnh phải bảo đảm không vượt tỷ lệ chênh lệch giá;
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

b. Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, Tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại Bản cáo bạch của Tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng khối lượng tối thiểu của lệnh, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp Tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;

- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền bán;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện hoặc chứng quyền bán đang có giá chứng khoán cơ sở thấp hơn 30% so với giá thực hiện), Tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh.
- Các trường hợp khác được Sở Giao Dịch Chứng Khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

Quy trình quản trị rủi ro chứng quyền là một chuỗi các bước được thực hiện liên tục nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro xảy ra đối với SSV. Để việc quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hiệu quả, quy trình quản trị rủi ro của SSV cần đảm bảo tuân thủ các bước sau:

Bước 1: Nhận diện rủi ro đối với chứng quyền

Nhận diện rủi ro có thể được thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm. Sau khi xác định được nhân tố gây rủi ro, SSV sẽ tiến hành phân loại các rủi ro thường gặp đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm như sau:

- a) **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi các khách hàng, đối tác hoặc bên có nghĩa vụ thanh toán không thể thanh toán đúng hạn hoặc đầy đủ theo cam kết với SSV hoặc rủi ro khi SSV không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền. Có thể hiểu, rủi ro thanh toán liên quan đến khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán do gặp phải rủi ro của khả năng cân đối nguồn vốn.
- b) **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm, thay đổi giá và/hoặc các sự kiện/thông tin bất lợi gây ảnh hưởng đến giá của chứng khoán cơ sở. Sự thay đổi giá trị các tài sản mà SSV đang sở hữu theo hướng bất lợi do có sự thay đổi về các chỉ số của thị trường chứng khoán, lãi suất trái phiếu, biến động tỷ giá ngoại tệ, tác động về kinh tế vĩ mô và/hoặc vĩ mô và các yếu tố tác động khác.

- c) **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi SSV vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.
- d) **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi công nghệ, lỗi hệ thống phần mềm, phần cứng và quy trình nghiệp vụ, lỗi do con người trong quá trình thực hiện nghiệp vụ hoặc rủi ro liên quan về việc thay đổi về vốn gây tác động tới các chỉ tiêu giới hạn của sản phẩm chứng quyền và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác (thiên tai, chiến tranh, hoả hoạn..).
- e) **Các rủi ro khác:** Các rủi ro khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng quyền có bảo đảm và/hoặc các hoạt động kinh doanh khác của SSV.

Bước 2: Phân tích rủi ro

Sau khi các rủi ro được xác định ở bước trên, Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá để xem xét về mức độ khả năng rủi ro đó xảy ra (được xếp theo thang điểm từ A- Gần như chắc chắn đến E- Hiếm khi xảy ra) và mức ảnh hưởng (Xếp theo thang điểm 5- Trầm Trọng đến 1- Thấp) của chúng tới việc hoàn thành các mục tiêu của SSV. Kết quả của việc đánh giá rủi ro sẽ giúp các nhà quản lý: So sánh các rủi ro với các chính sách và chiến lược rủi ro; xác định những rủi ro của SSV không thể chấp nhận (rủi ro cao); và cung cấp cơ sở để chọn lựa và xếp hạng ưu tiên các biện pháp phù hợp để giảm thiểu của các rủi ro đó.

a) Rủi ro thanh toán:

- Rủi ro thanh toán chứng quyền tại SSV là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của công ty đối với nhà đầu tư.
- Rủi ro thanh toán phát sinh khi SSV hoặc đối tác của công ty không thể thực hiện đúng hạn hoặc đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Điều này có thể dẫn đến việc SSV phải sử dụng thêm các nguồn vốn ngoài kế hoạch hoặc chi trả các khoản chi phí phát sinh để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền. Khả năng đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán ngắn hạn và dài hạn của SSV được đo lường qua các chỉ số như hệ số khả năng thanh toán, ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy và uy tín của công ty trên thị trường.

b) Rủi ro thị trường:

- Bất kỳ biến động giá chứng quyền, giá chứng khoán cơ sở và biến động của thị trường chứng khoán sẽ là rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của SSV.
- Sản phẩm chứng quyền của SSV có thể bị ảnh hưởng do biến động ngoài dự kiến về giá chứng khoán, hàng hoá và lãi suất, do tình hình thị trường và/hoặc do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô và/hoặc vĩ mô của Chính phủ Việt Nam cũng như quốc tế và những thay đổi về quy định pháp luật khác.

c) **Rủi ro pháp lý:**

- Rủi ro pháp lý là những rủi ro xuất hiện từ những hoạt động liên quan về pháp chế tại các bộ phận trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Rủi ro pháp lý có thể xảy ra từ các nguyên nhân sau:
 - Không đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền;
 - Nhận thức về việc thực hiện quản trị rủi ro chưa có sự thống nhất nên chưa tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ theo quy định của cơ quan nhà nước trong quá trình kinh doanh chứng quyền của SSV;
 - Quy trình, quy định nội bộ của SSV được ban hành chưa phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp dịch vụ, thực hiện hoạt động kinh doanh chứng quyền khi chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.
 - Vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với những mã cổ phiếu hạn chế về sở hữu nước ngoài gây tác động tới việc vận hành sản phẩm chứng quyền của SSV.

d) **Rủi ro hoạt động:**

- Rủi ro hoạt động xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh chứng khoán của SSV có thể xuất phát từ các nguyên nhân sau:
 - Sai sót có chủ ý hoặc không chủ ý trong quá trình tác nghiệp của nhân viên nghiệp vụ, thiếu tinh thần trách nhiệm dẫn tới sai sót và quá trình thực hiện nghiệp vụ chưa phù hợp với quy định nội bộ của SSV và quy định của pháp luật;
 - Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin về bảo mật và an toàn hệ thống; rủi ro về an toàn điện, cháy nổ; sự cố về hạ tầng mạng/hạ tầng phần cứng; lỗi từ nhà cung cấp dịch vụ;
- Rủi ro hoạt động có khả năng xảy ra cao trong các hoạt động sau:
 - Trong hoạt động thực hiện nghiệp vụ giao dịch hàng ngày: Rủi ro đặt nhầm lệnh, sai sót trong giao dịch thực hiện dẫn đến mua/bán khống. Thực hiện các quy định đối với các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng thiếu công bằng và chính trực;
 - Trong hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin: Có thể xảy ra lỗi làm mất/sai lệch dữ liệu giao dịch, giao dịch không thực hiện được hoặc gián đoạn giao dịch. Có thể sẽ dẫn đến tổn thất nghiêm trọng nếu xảy ra rủi ro trong hoạt động vận hành hệ thống công nghệ thông tin;
 - Trong hoạt động báo cáo, công bố thông tin: Vi phạm trong việc công bố thông tin có thể dẫn đến việc SSV bị Ủy ban Chứng khoán xử lý vi phạm hành chính.

Bước 3: Kiểm soát rủi ro

Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp SSV xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn phương án giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các phương án thường được áp dụng để giải quyết hoặc đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro. Các phương án phòng ngừa rủi ro thị trường:

Các hoạt động kiểm soát được xây dựng để bảo đảm các phương pháp xử lý rủi ro đang được thực hiện một cách hữu hiệu và hiệu quả. Các hoạt động này bao gồm:

- Kiểm soát có tính chất phòng ngừa: nhằm ngăn chặn các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ. Ví dụ phân quyền phân nhiệm; bảo mật mật khẩu và giới hạn quyền truy cập hệ thống, đào tạo.
- Kiểm soát có tính chất phát hiện: nhằm phát hiện nhanh chóng các giao dịch, sự kiện, sai sót không mong muốn xảy ra hay các tình huống bất ngờ, từ đó có biện pháp xử kịp thời. Ví dụ: xác nhận, đối chiếu, kiểm kê, báo lỗi.
- Kiểm soát có tính chất sửa chữa: nhằm đưa tình hình về trạng thái thích hợp, hoặc ít nhất giảm thiểu hậu quả hoặc thiệt hại phát sinh từ giao dịch, sự kiện, sai phạm không mong muốn hay tình huống bất ngờ gây ra. Ví dụ: kế hoạch kinh doanh liên tục, kế hoạch khắc phục thảm họa.

Loại rủi ro	Nguyên tắc phòng ngừa	Cách thức thực hiện	Phương thức thực hiện
Rủi ro thanh toán	Duy trì các hệ số an toàn tài chính để kiểm soát liên tục và định kỳ. Đảm bảo tính tuân thủ về việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền	Đa dạng đối tác huy động vốn Thực hiện công tác trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật và quy định của SSV tại từng thời điểm Theo dõi và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng hàng tháng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền theo quy định của SSV	Xây dựng hệ thống kiểm soát nguồn vốn chặt chẽ nhằm phân bổ vốn hiệu quả Xây dựng hệ thống đánh giá các chỉ tiêu an toàn tài chính phù hợp Lựa chọn (các) ngân hàng để phân bổ tiền gửi (nếu có) và chọn hình thức giao dịch phù hợp với nhu cầu thực hiện hoạt động kinh doanh của SSV Thiết lập quy định về cập nhật dòng tiền và báo cáo hàng ngày Xây dựng Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền
Rủi ro thị trường	Dự báo các thông tin có tác động xấu để tìm ra phương án giảm nhẹ rủi ro	Theo dõi, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các vấn đề chính trị có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán hoặc một	Dự báo thị trường nhằm đưa ra phương án phòng ngừa hiệu quả và lựa chọn, điều chỉnh chiến lược kiểm soát rủi ro phù hợp. Phòng tự doanh kết hợp cùng phòng QTRR sẽ thực hiện việc thông qua hệ

	Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hoà Delta	nhóm ngành cụ thể theo định kỳ, đột xuất hoặc khi có yêu cầu Mua/bán chứng khoán cơ sở hoặc mua chứng quyền của tổ chức phát hành khác theo các tham số tỷ lệ đã được thông qua.	thống giao dịch và báo cáo cho các bộ phận liên quan cũng như các cơ quan quản lý theo quy định.
		Chủ động xây dựng các chương trình nhằm tuân thủ đúng các quy định về tạo lập thị trường theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán. Thường xuyên rà soát, cập nhật quy trình, quy định nội bộ của SSV để phù hợp với quy định pháp luật	Thiết lập, xây dựng hệ thống tự động về tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro. Thiết lập quy trình, quy định nội bộ cho các hoạt động nghiệp vụ tại SSV
Rủi ro pháp lý	Đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ tạo lập thị trường	tại từng thời điểm Đảm bảo tuân thủ các quy định về giao dịch, chào bán, phân phối, niêm yết, thanh toán chứng quyền, nghĩa vụ tạo lập thị trường. Kịp thời cập nhật và đánh giá các thay đổi của quy định pháp luật nhằm bảo đảm cho hoạt động kinh doanh của SSV tuân thủ quy định pháp luật	Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức tuân thủ quy định nội của SSV và quy định của pháp luật.
Rủi ro hoạt động	Nhận diện các rủi ro có thể xảy ra với SSV từ đó xây dựng các quy trình, chính sách, hệ thống để giảm thiểu những rủi ro để giúp tối ưu hoá chi phí hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả làm việc.	Ban hành chế độ báo cáo định kỳ/theo yêu cầu, phân định trách nhiệm cụ thể của các đơn vị và cá nhân liên quan Nâng cao tính tuân thủ về bảo mật khi truy cập thông tin và nhận thức của nhân viên về sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và an ninh mạng của SSV	Thiết lập quy trình, quy định nhằm bảo đảm các hoạt động nghiệp vụ có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường sự kiểm tra, giám sát và sớm phát hiện sai phạm có thể xảy ra Xây dựng quy trình vận hành và kiểm soát mang tính phòng ngừa và bắt buộc, bao gồm cả việc sao lưu, bảo mật dữ liệu, xây dựng các đường truyền dữ liệu chính phụ và biện pháp an ninh mạng, mua bảo hiểm thiết bị, kiểm tra hệ thống định kỳ, ký hợp đồng bảo hành, bảo trì với nhà cung cấp, chuẩn bị kịch bản xử lý khủng hoảng khi xảy ra lỗi hệ thống. Trang bị hệ thống giao dịch dự phòng bên cạnh hệ thống giao dịch chính để giám

			<p>thiếu khả năng mất kết nối làm gián đoạn khả năng giao dịch của nhà đầu tư.</p> <p>Đối với hệ thống dữ liệu, toàn bộ dữ liệu được sao lưu (backup) thường xuyên và lưu trữ tại các kho an toàn. SSV xây dựng các tầng bảo mật theo chuẩn quốc tế, ngăn chặn virus, hacker xâm nhập đảm bảo an toàn về bảo mật thông tin cho nhà đầu tư, khách hàng của SSV</p>
--	--	--	---

Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro

Các rủi ro là luôn luôn tiềm ẩn, có thể thay đổi và biến hoá, do đó trong quá trình thực hiện quản trị rủi ro và thực hiện các bước theo Quy Trình này, SSV đồng thời tiến hành giám sát, xem xét, đánh giá và báo cáo kết quả của việc thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro để có hướng điều chỉnh kịp thời (nếu có); từ đó, đảm bảo các thiếu sót trong quá trình thực hiện quản trị rủi ro có thể được nhận diện và khắc phục thông qua việc giám sát hoạt động quản trị rủi ro. Trường hợp sau quá trình giám sát có các thông tin rủi ro mới, SSV tiến hành lại từ bước phân tích và/hoặc đánh giá thông tin rủi ro, lựa chọn biện pháp kiểm soát và/hoặc xử lý phù hợp, thực hiện giám sát hoạt động quản trị rủi ro;

Trường hợp cần có một số điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của rủi ro phát sinh, Phòng QTRR sẽ là đầu mối để tổng hợp ý kiến các đơn vị và trình Tổng Giám đốc phê duyệt.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro: để bảo đảm khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do các rủi ro có thể gây ra đối với Tổ chức phát hành và người sở hữu chứng quyền.

b. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

(i) Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền;
- Phân công trách nhiệm giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro chứng quyền đã được cấp có thẩm quyền ban hành;
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro chứng quyền.

(ii) Trách nhiệm của Phòng Kiểm soát Nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Công ty Mẹ, quyết định của Hội Đồng Thành Viên liên quan đến việc chào bán chứng quyền;

- Kiểm tra, giám sát hoạt động chào bán chứng quyền và phòng ngừa rủi ro chứng quyền theo quy định, quy trình nội bộ của SSV.
 - Giám sát các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích (nếu có).
- (iii) Trách nhiệm của Phòng Quản trị Rủi ro**
- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền (Phòng Giải pháp Phái sinh);
 - Cảnh báo về các hạn mức của SSV, của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước liên quan đến chào bán chứng quyền và phòng ngừa rủi ro chứng quyền;
 - Tham mưu cho Tổng Giám Đốc các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro chứng quyền;
 - Bảo đảm các rủi ro được quản lý theo quy định, quy trình nội bộ của SSV và bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về Quản trị Rủi ro chứng quyền.
- (iv) Trách nhiệm của Phòng Tự doanh: trực tiếp quản trị rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền**
- Theo dõi số dư và biến động hàng ngày của danh mục chứng quyền và danh mục tài sản dùng để phòng ngừa rủi ro (bao gồm chứng khoán cơ sở và các loại chứng khoán khác có cùng tài sản cơ sở như chứng quyền, hợp đồng tương lai, nếu có);
 - Thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở/các loại chứng khoán khác để phòng ngừa rủi ro cho số lượng chứng quyền đang lưu hành, bảo đảm đáp ứng các điều kiện về hạn mức rủi ro tối đa đã được thiết lập;
 - Thiết lập các mô hình phân tích rủi ro cho toàn danh mục chứng quyền đang lưu hành và tài sản dùng phòng ngừa rủi ro; theo dõi và đánh giá rủi ro khi có các thay đổi lớn trong các tham số đầu vào gây ảnh hưởng lớn đến giá trị danh mục;
 - Báo cáo vị thế danh mục cuối ngày và các hoạt động phòng ngừa rủi ro đã thực hiện cho cấp có thẩm quyền và các bộ phận có liên quan khi có yêu cầu.

Thông tin về Nhân sự Quản trị Rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền:

Ông Cao Phạm Hoàng Long

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính, Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính số [] - Bộ Tài chính.

Kinh nghiệm: Có 4 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán.

Ông Văn Duy Ngọc Tân

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Chứng chỉ Phân tích Tài chính Bậc 2 (CFA Level II).

Kinh nghiệm: Có 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán.

c. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

SSV áp dụng “**Phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa Delta**”, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, Tổ chức phát hành sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của Tổ chức phát hành là trung hòa Delta (Delta = 0) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
- Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có), bao gồm chứng quyền trên cùng tài sản cơ sở do các tổ chức khác phát hành.

Vị thế phòng ngừa rủi ro:

- **Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro**

Hệ số phòng ngừa rủi ro được SSV áp dụng là Hệ số Delta.

Delta: là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở. Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$$

Trong đó:

$\text{Delta}_{\text{CALL}}$: Giá trị Delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Trong đó:

X : Giá thực hiện của chứng quyền;

S : Giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm tính giá chào bán;

T : Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm), là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365;

r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm);

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm);

Chi tiết cách xác định các tham số đưa vào công thức:

Tham số	Cơ sở tính toán	Ví dụ
Giá chứng khoán cơ sở (S)	Là giá trị biến đổi. Lấy theo giá giao dịch trong phiên hoặc giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở vào cuối ngày.	23.000 VND

Giá thực hiện chứng quyền (X)	Là giá trị cố định. Lấy theo giá thực hiện mà tổ chức phát hành công bố trong Bản thông báo phát hành chứng quyền. Giá thực hiện này được điều chỉnh khi có sự kiện chứng khoán cơ sở được điều chỉnh bao gồm nhưng không giới hạn giá chứng khoán cơ sở được điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu mới.	23.000 VND
Lãi suất phi rủi ro (do SSV tự xác định) (r_c)	Là giá trị cố định, nhưng có thể được điều chỉnh khi thay đổi trên 1%. Lãi suất được xác định dựa trên chi phí cơ hội của nguồn vốn dành cho hoạt động kinh doanh chứng quyền (bao gồm tài sản đảm bảo thanh toán và nguồn vốn để thực hiện phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành). Dựa trên cơ sở là trung bình cộng của lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng tại 4 ngân hàng Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank và cộng với biên độ 2%.	5% - 10%
Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (do SSV xác định) (σ)	Là giá trị cố định nhưng có thể được điều chỉnh khi độ biến động giá chứng khoán cơ sở có thay đổi lớn. Được xác định dựa trên cơ sở độ biến động giá lịch sử của chứng khoán cơ sở trong vòng 12 tháng gần nhất và kỳ vọng tương lai về biến động giá chứng khoán cơ sở.	30% - 70%
Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn (T)	Là giá trị biến đổi. Giá trị này được tính theo năm và giảm dần theo thời gian còn lại của chứng quyền. Giá trị này bằng 0 tại thời điểm đáo hạn chứng quyền.	0,5 (năm)

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết là số lượng chứng khoán cơ sở và/hoặc các loại chứng khoán khác được pháp luật cho phép mà SSV dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho các chứng quyền đang lưu hành.

SSV xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết theo công thức Black-Scholes và sử dụng chứng khoán cơ sở để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua:

$$Q_{CKCS} = \text{Delta}_{CALL(TCPH)} \times \frac{OI_{CKCS}}{k}$$

Trong đó:

Q_{CKCS} : Số lượng chứng khoán cơ sở SSV dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền;

$\Delta_{CALL(TCPH)}$: Hệ số Delta của chứng quyền cần phòng ngừa rủi ro của SSV, được định nghĩa và xác định theo quy định tại Điểm a Mục 2.3.3 nêu trên;

OI_{CKCS} : Số lượng chứng quyền của SSV đang lưu hành của đợt phát hành;

k : Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của SSV.

Công thức quy đổi khi sử dụng chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở do các công ty khác phát hành để làm tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua và áp dụng nguyên tắc trung hòa Delta:

$$Q_{Khác} = \frac{\Delta_{CALL(TCPH)}}{\Delta_{(khác)}} \times OI_{Khác} \times \frac{k_{(khác)}}{k_{(TCPH)}}$$

Trong đó:

$Q_{Khác}$: Số lượng chứng quyền do các công ty khác phát hành mà SSV dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền của mình;

$\Delta_{CALL(TCPH)}$: Hệ số Delta của chứng quyền mua của SSV;

$\Delta_{(khác)}$: Hệ số Delta của chứng quyền mua của các công ty khác;

$OI_{Khác}$: Số lượng chứng quyền của SSV sẽ thực hiện phòng ngừa rủi ro bằng các chứng quyền của các công ty khác;

$k_{(TCPH)}$: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của SSV cần thực hiện phòng ngừa rủi ro.

$k_{(khác)}$: Tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền của công ty khác mà SSV sử dụng làm công cụ phòng ngừa rủi ro.

- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế**

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số tiền đã nộp trên tài khoản tự doanh của SSV tương ứng với phần chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế để phòng ngừa rủi ro.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế (Q_{TT}) của SSV được xác định như sau

$$Q_{TT} = Q_T + Q_{QĐ}$$

Trong đó:

Q_T : Số lượng chứng khoán cơ sở SSV thực tế nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền trong ngày T;

$Q_{QĐ}$: Số lượng chứng khoán được quy đổi từ số tiền có trong tài khoản tự doanh để phòng ngừa rủi ro chứng quyền của SSV. Công thức tính như sau: lấy số tiền SSV đã nộp vào tài khoản tự doanh chia cho giá đóng cửa chứng khoán cơ sở tại ngày tính toán.

- **Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền**

$$\Delta Q_{TT}\% = (Q_{CKCS} - Q_{TT})/Q_{CKCS} \times 100\%$$

Trong đó:

$\Delta Q_{TT}\%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

Q_{CKCS} : Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.

Q_{TT} : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.

SSV thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán cơ sở và/hoặc chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở do công ty khác phát hành để đảm bảo độ chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày không vượt quá 20%.

Đảm bảo tuân thủ các hạn mức và tỷ lệ liên quan đến phòng ngừa rủi ro theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Ví dụ minh họa

Giả sử SSV phát hành chứng quyền với các tham số đầu vào mô tả như bên dưới:

Chứng khoán cơ sở: VPB;

Ngày phát hành: 01/11/2024;

Ngày niêm yết: 01/12/2025;

Ngày đáo hạn: 01/08/2025;

Hệ số chuyển đổi: 4:1;

Lãi suất phi rủi ro: 5,53%;

Độ biến động giá kỳ vọng: 70%;

Giá thực hiện: 23.000 VND;

SSV thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu VPB khi giá cổ phiếu VPB thay đổi như sau:

Ngày giao dịch	Giá cổ phiếu VPB	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	Thay đổi Số lượng cổ phiếu VPB
02/12/2024	23.000	0,60	2.000.000	313.700	300.000	
03/12/2024	22.500	0,65	2.000.000	296.600	300.000	
04/12/2024	22.000	0,62	1.900.000	278.800	300.000	
05/12/2024	21.760	0,58	1.800.000	269.900	260.000	- 40.000
06/12/2024	22.700	0,55	1.700.000	303.800	260.000	
09/12/2024	22.650	0,56	1.750.000	301.000	240.000	+ 40.000

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của Tổ chức phát hành

Phòng Tự doanh của SSV phụ trách lựa chọn chứng khoán cơ sở, tạo lập thị trường cho chứng quyền có bảo đảm hàng ngày, và quản trị rủi ro cho nghĩa vụ phát hành đó. Nhân sự được đào tạo bài bản về các nội dung nghiệp vụ liên quan. Tính đến thời điểm này, bộ phận Tự doanh SSV đã sẵn sàng tham gia phát hành sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

SSV cũng đã đầu tư hệ thống phần mềm hỗ trợ các nghiệp vụ tạo lập thị trường, quản trị rủi ro. Do đó hạn chế tối đa các lỗi nghiệp vụ và bảo đảm sản phẩm sau khi niêm yết vận hành ổn định.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**NGÂN HÀNG LƯU KÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM THANH TOÁN: NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Địa chỉ: Số 74, Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3941 1846

Fax: (024) 3941 1847

Website: www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN (kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, 2024): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3821 9266

Fax: (028) 39105402

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm và thực hiện các biện pháp đảm bảo thanh toán theo nội dung bản cáo bạch này.

Chúng tôi cam kết Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không phải người có liên quan của SSV đáp ứng theo quy định tại Điều 3, Khoản 3 Thông tư 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 về hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Chúng tôi cam kết Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành không phải là người có liên quan của SSV.

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, quản lý quỹ, bảo hiểm rủi ro, đầu tư và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc làm mất đi quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm cập nhật về việc phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thúc đẩy các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc tài khoản của các khách hàng khác cũng như có thể tham gia vào một hoặc nhiều nhóm khách giao dịch liên quan đến Công ty và/hoặc chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Ngoài ra, chúng tôi có thể có các mối quan hệ khác với các bên cung cấp dịch vụ và có khả năng nắm giữ các vị trí kinh tế đối với các chứng khoán cơ sở. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn.

Các nguyên tắc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra:

- Công khai, minh bạch;
- Ưu tiên lợi ích khách hàng trước lợi ích của SSV;
- Tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật có liên quan đến đợt phát hành.

X. CAM KẾT

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XI. PHỤ LỤC

1. Bản sao Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
2. Điều lệ Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022, 2023 và Báo cáo tài chính Quý III/2024.
4. Các tài liệu khác liên quan đến đợt chào bán chứng quyền.

TP, Hồ Chí Minh, ngày 11... tháng 11... năm 2024

Tổ chức phát hành: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**

Tổng Giám Đốc



HAN BOKHEE



Ngân hàng lưu ký: **NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM (BIDV) -
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Chúng tôi xác nhận thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành theo đúng các nghĩa vụ trách nhiệm của Ngân hàng lưu ký thể hiện trong Thông tư 107 về Hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

